

THIÊN SƯ THÍCH THANH TỪ

Tự Tâm Quyết

GIẢNG GIẢI



Mục lục

Phần Chánh Văn3

Phần Giảng Giải.....16

Phần Chánh Văn

Ba cõi nhiệt nảo như trong nhà lửa, chúng sanh an nhẫn đắm mình trong đó để chịu khổ dài. Muốn khỏi luân hồi không đâu bằng cầu Phật. Nếu muốn cầu Phật, Phật tức là tâm. Tâm nào tìm chi cho xa, đâu có lìa thân này. Sắc thân là giả, có sanh có diệt. Chân tâm như hư không, chẳng đoạn chẳng biến. Cho nên nói: “Hài cốt vỡ tan trở về lửa gió, một vật trường linh che trùm trời đất.”

Than ôi! Người hôm nay mê lâu thế? Chẳng biết tâm mình là chân Phật, chẳng biết tánh mình là chân pháp. Muốn cầu pháp mà cầu các thánh ở tha phương. Muốn cầu Phật mà chẳng quán tự tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật, ngoài tánh có pháp, chấp cứng tình này, muốn cầu Phật đạo, dù trải qua số kiếp như vi trần, đốt thân chặt tay đập xương ra tủy, chích máu viết kinh, ngồi mãi chẳng nằm, ngày ăn một bữa, cho đến đọc hết một đại tạng kinh, tu muôn ngàn khổ hạnh, chẳng khác nào nấu cát làm cơm, chỉ luống tự nhọc.

Ông chỉ hiểu tâm mình, thì hăng sa pháp môn, vô lượng diệu nghĩa chẳng cầu mà được. Đức Thế Tôn nói: “Ta xem khắp tất cả chúng sanh đều có đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai.” Lại nói: “Tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều huyền hóa mà hay sanh ra cái diệu tâm viên giác của Như Lai.” Thế nên lìa tâm này không Phật có thể thành. Quá khứ chư Phật chỉ là người sáng tâm mà thôi. Hiện tại các bậc Thánh hiền cũng là người tu tâm mà thôi. Vị lai người tu học nên y pháp như thế mà tu. Mong mỗi người tu cần yếu chớ tìm cầu bên ngoài. “Tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật.”

Hỏi: Nếu nói Phật tánh hiện ở thân này, đã ở trong thân không lìa phàm phu. Có sao nay tôi chẳng thấy Phật tánh? Xin giải rõ khiến được khai ngộ.

Đáp: Ở tại thân ông mà tự ông chẳng thấy. Suốt mười hai giờ ông biết đói, biết khát, biết lạnh, biết nóng, hoặc vui, hoặc giận v.v... trọn là vật gì? Lại sắc thân là đất, nước, gió, lửa bốn duyên hội hợp, cái chất của nó là vô tình, đâu hay thấy nghe hiểu biết? Cái thấy nghe hiểu biết nhất định là Phật tánh của ông. Tổ Lâm Tế nói rằng: “Tứ đại chẳng biết nói pháp, chẳng nghe pháp. Hư không chẳng biết nói pháp, chẳng nghe pháp. Chỉ cái rõ ràng riêng sáng ở trước mắt của ông, cũng chớ phân tích nó, cái ấy mới biết nói pháp và nghe pháp.”

Ba chữ “chớ phân tích” là pháp ấn của chư Phật và cũng là tâm bản lai của ông. Thế thì Phật tánh ở tại thân ông, đâu nhờ cầu bên ngoài? Ông nếu chẳng tin, tôi sẽ nêu lên nhân duyên nhập đạo của các bậc thánh xưa, để cho ông trừ hết nghi hoặc. Ông sẽ tin là chân thật.

Xưa vua Dị Kiến hỏi tôn giả Ba-la-đề rằng:

- Thế nào là Phật?

Tôn giả đáp:

- Kiến tánh là Phật.

Vua hỏi:

- Thầy kiến tánh chẳng?

Tôn giả đáp:

- Tôi kiến Phật tánh.

Vua hỏi:

- Tánh tại chỗ nào?

Tôn giả đáp:

- Tánh tại tác dụng.

Vua hỏi:

- Ấy là tác dụng gì? Sao trẫm chẳng thấy?

Tôn giả đáp:

- Tôi đã thấy tác dụng rõ ràng, tự nhà vua không thấy đó thôi.

Vua hỏi:

- Nơi trẫm có không?

Tôn giả đáp:

- Bệ hạ nếu tác dụng thì đâu chẳng có. Còn Bệ hạ nếu chẳng tác dụng thì thể kia khó thấy.

Vua hỏi:

- Nếu khi đang tác dụng mấy chỗ xuất hiện?

Tôn giả đáp:

- Nếu khi xuất hiện thì có tám chỗ.

Vua nói:

- Xin vì trẫm chỉ tám chỗ xuất hiện kia.

Tôn giả đáp:

- Nơi thai gọi là thân, ở đời gọi là người, nơi mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, nơi mũi phân biệt các mùi, nơi lưỡi đàm luận, nơi tay nắm bắt, nơi chân chạy nhảy. Biến hiện thì khắp sa giới, thu lại thì chỉ trong hạt bụi. Người hiểu biết cho đó là Phật tánh, người chẳng hiểu gọi đó là tình hồn.

Nhà vua nghe xong liền khai ngộ.

Có một vị tăng hỏi hòa thượng Quy Tông rằng:

- Thế nào là Phật?

Đáp: - Ta nói ra sợ ông chẳng tin.

Tăng thưa: - Hòa thượng nói thật con đâu dám chẳng tin.

Đáp: - Tức là ông đấy.

Tăng hỏi: - Bảo nhiệm như thế nào?

Đáp: - Vết mây nơi mắt làm cho không hoa rơi loạn.

Vị tăng kia ngay lời ấy tỉnh ngộ.

Trên đã nêu lên nhân duyên nhập đạo của các bậc thánh xưa, rõ ràng giản dị, rất ít phí sức. Nhân công án này, nếu có chỗ tin hiểu, tức cùng với thánh xưa nắm tay mà đi.

*

Hỏi: Ngài nói kiến tánh, nếu thật kiến tánh tức là thánh nhân, ứng hiện thần thông biến hóa khác hẳn mọi người. Cớ sao những người tu tâm hiện nay, không có một người hiện thần thông biến hóa?

Đáp: Người chớ nên khinh khi mà phát ra lời nói điên như thế. Chẳng phân tà chánh là người mê đảo. Người học đạo thời này miệng thời bàn chân lý, tâm thì sanh thói khuất, trở lại rơi vào chỗ vô phần, nên khiến ông sanh nghi. Người học đạo chẳng biết trước sau, nói lý chẳng phân gốc ngọn, đây là tà kiến chứ chẳng gọi là tu học, chẳng những chỉ tự làm mà còn làm lầm người. Hạng người này há chẳng thận trọng ư?

Phàm nhập đạo có nhiều cửa, nhưng nói chỗ cốt yếu chẳng ngoài hai cửa đốn ngộ và tiệm tu. Tuy nói đốn ngộ đốn tu là hàng căn cơ tối thượng mới được vào. Nếu suy về quá khứ thì đã nhiều đời y nơi ngộ mà tu, lần lần huân tập cho đến đời này, nghe liền phát ngộ, một chốc liền xong. Xét lẽ thật thì cũng là căn cơ trước ngộ sau tu.

Lại, hai môn đốn tiệm này là lối mòn của ngàn thánh, các bậc thánh từ trước đâu chẳng trước ngộ sau tu, nhân tu mới chứng. Cái gọi là thần thông biến hóa ấy, phải ngộ mà tu, rồi lần lần huân tập mới hiện, chứ

chẳng phải khi ngộ rồi liền phát hiện. Như trong Kinh nói: “Lý liền đốn ngộ, nhân ngộ đều tiêu, sự chẳng phải một chốc liền trừ, nhân lần lượt mới hết.” Ngài Khuê Phong rất thấu đáo về nghĩa trước ngộ sau tu. Ngài nói: “Biết bằng nơi hồ là toàn nước, nhờ ánh sáng mặt trời mới tan ra. Ngộ phàm phu tức là Phật, nhờ pháp lực để huân tu. Bằng tan thì nước chảy và mới có công dụng giặt rửa. Vọng hết thì tâm rộng suốt, mới ứng hiện diệu dụng thần thông sáng suốt.” Thế thì, việc thần thông biến hóa chẳng phải một ngày có thể thành tựu được, phải tiệm huân lâu mới có thể phát hiện. Huống lại, việc thần thông đối với người liễu đạt, còn cho là việc yêu quái, và cũng là việc bờ mé ngọn ngành đối với bậc thánh, tuy cũng có hiện nhưng chẳng phải cần thiết.

Ngày nay những người mê vọng bảo rằng: Một niệm khi ngộ liền hiện vô lượng diệu dụng thần thông biến hóa. Nếu hiểu như thế, bảo họ là kẻ không biết trước sau, cũng không phân được gốc ngọn. Đã không biết trước sau gốc ngọn mà muốn cầu Phật đạo, giống như người đem gỗ vuông tra vào lỗ tròn, há chẳng làm to ư? Đã chẳng biết phương tiện nên khởi ý tưởng phiêu lưu, tự sanh lui sụt, đoạn chủng tánh Phật, người như thế chẳng phải ít. Đã tự mình chưa sáng, cũng không tin người khác có chỗ giải ngộ. Thấy người giải ngộ không thần thông liền sanh ngã mạn, khinh Hiên đối Thánh, thật đáng thương thay!

Hỏi: Ngài nói hai môn đốn ngộ tiệm tu là lỗi mòn của ngàn Thánh. Đã đốn ngộ tại sao lại nhờ tiệm tu? Nếu tiệm tu có sao nói đốn ngộ? Lại xin tuyên nói hai nghĩa đốn tiệm, khiến dứt hết nghi thừa.

Đáp: Đốn ngộ ấy là phàm phu khi mê cho tứ đại làm thân, vọng tưởng làm tâm. Chẳng biết tự tánh là pháp thân chân thật. Chẳng biết tự kỷ hư tri là chân Phật. Ngoài tâm tìm Phật, trôi nổi trong gian khổ. Chợt được thiện tri thức chỉ cho đường vào, một niệm hồi quang thấy được bản tánh mình. Tánh địa này nguyên không phiền não. Trí tánh vô lậu vốn tự đầy đủ, tức cùng với trí tánh của chư Phật chẳng khác nhau chút nào, cho nên gọi là đốn ngộ.

Tiệm tu ấy là đốn ngộ cái bản tánh cùng chư Phật không khác. Tập khí từ vô thủy khó trừ hết liền, nên phải y ngộ mà tu, lần lần huân tập mới thành công, trưởng dưỡng thánh thai, lâu ngày mới thành thánh, nên nói tiệm tu. Giống như trẻ sơ sanh các căn đều đầy đủ cùng với người lớn không khác. Nhưng khí lực nó chưa đầy đủ, phải trải qua nhiều năm tháng mới thành người lớn.

Hỏi: Phải dùng phương tiện gì khiến một niệm hồi cơ, bèn ngộ tự tánh?

Đáp: Chỉ tự tâm ông, lại dùng phương tiện gì? Nếu dùng phương tiện để cầu giải hội tỷ như có người chẳng thấy mắt của mình, cho rằng không mắt, lại muốn cầu thấy. Đã là mắt của mình thế nào lại thấy? Nếu biết chẳng mắt tức là thấy mắt. Lại không có cái tâm cầu thấy thì đâu có cái tướng chẳng thấy. Cái tự kỷ hư tri cũng lại như vậy. Đã là tự tâm sao lại cầu hiểu? Nếu muốn cầu hiểu bèn hiểu chẳng được. Chỉ biết chẳng hiểu ấy là kiến tánh.

Hỏi: Người thượng thượng căn nghe rồi liền dễ lãnh hội. Còn người trung hạ căn, đâu chẳng nghi hoặc? Xin nói phương tiện khiến người mê được vào.

Đáp: Đạo chẳng thuộc biết cùng chẳng biết. Ông nên từ bỏ cái tâm đem mê đợi ngộ, mà nghe lời nói của ta: Các pháp đều như mộng, như huyễn hóa. Cho nên vọng niệm vốn tịch, trần cảnh vốn không. Chỗ các pháp đều không, ấy là cái biết rỗng suốt chẳng mê, tức là cái tâm không lặng rỗng suốt này vậy. Đây là bản lai diện mục của ông, cũng là pháp ấn ba đời chư Phật, lịch đại tổ sư và các bậc thiện tri thức trong thiên hạ, thăm thăm truyền nhau. Nếu ngộ tâm này đúng như có chỗ nói: “Chẳng cần giẫm qua thứ lớp thẳng đến Phật địa, mỗi bước vượt qua ba cõi. Về nhà thoát tuyệt các nghi, bèn vì người trời làm thầy. Bi trí nương nhau, đầy đủ hai lợi, kham nhận người trời cúng dường, ngày tiêu muôn lượng vàng ròng.” Nếu ông được như thế, thật là đại trượng phu, việc hay làm một đời đã làm xong.

Hỏi: Căn cứ theo phần trên, thế nào là tâm không lặng rỗng suốt?

Đáp: Cái hiện nay ông hỏi ta, ấy là tâm không lặng rỗng suốt của ông. Sao không phản chiếu lại mà còn tìm bên ngoài? Nay ta căn cứ vào phần trên của ông chỉ thẳng bản tâm, khiến ông được ngộ, ông nên tịnh tâm nghe ta nói:

- Trong mười hai giờ từ sáng tới chiều, hoặc thấy, nghe, cười, nói, giận, vui, phải, quấy v.v... Muôn ngàn vận chuyển thi vi. Hãy nói thấy đều là cái gì? Sao hay vận chuyển thi vi? Nếu nói sắc thân vận chuyển, có sao có người một phút mạng chung, thì thể chưa thối nát mà mắt không tự thấy, tai không nghe, mũi không phân biệt mùi, lưỡi chẳng đàm luận, thân chẳng lay động, tay chẳng nắm bắt, chân chẳng chạy nhảy?

Thế nên biết, cái hay thấy nghe động tác nhất định là bản tâm ông chứ chẳng phải sắc thân. Huống nữa, sắc thân tứ đại này tánh nó là Không, như ảnh trong gương, như trăng đáy nước. Đâu thể rõ ràng thường biết, sáng suốt chẳng mê hoặc, có cảm liền thông, đủ hằng sa diệu dụng? Cho nên nói: “Bữa cùi gánh nước đều là thần thông diệu dụng.”

Hơn nữa, nhập đạo có nhiều đường, ta chỉ ông một môn khiến ông trở lại nguồn. Ông nghe tiếng quạ kêu chim hót không?

Đáp: - Nghe.

Hỏi: - Ông nghe lại tánh nghe của ông xem có nhiều tiếng không?

Đáp: - Đến chỗ này tất cả âm thanh, tất cả phân biệt đều không thể được.

Nói: - Lạ thay! Lạ thay! Đây là cửa Quan Âm nhập lý vậy. Ta hỏi ông: Khi đến chỗ đó tất cả tiếng, tất cả phân biệt đều không thể được. Vậy đang lúc đó chẳng phải là hư không sao?

Đáp: - Nguyên lai chẳng không, sáng suốt chẳng mê.

Hỏi: - Cái thể chẳng không ấy thế nào?

Đáp: - Cũng không tướng mạo, nói không thể đến.

Nói: - Đây là thọ mạng của chư Phật, chư tổ, ông chớ hồ nghi. Đã không tướng mạo nào có lớn nhỏ; không lớn nhỏ nào có bờ mé; không có bờ mé nên không trong ngoài; không trong ngoài nên không gần xa; không gần xa nên không kia đây; không kia đây nên không đến đi; không đến đi nên không sanh tử; không sanh tử nên không xưa nay; không xưa nay nên không mê ngộ; không mê ngộ nên không phạm thánh; không phạm thánh nên không nhiễm tịnh; không nhiễm tịnh nên không phải quấy; không phải quấy nên tất cả danh ngôn đều không thật có. Cả thấy đều không như vậy thì tất cả căn cảnh, tất cả vọng niệm, cho đến muôn ngàn tướng mạo, muôn ngàn danh ngôn đều không thật có. Đây há không phải là cái không tịch xưa nay, cái không vật xưa nay sao?

Tuy nhiên, chỗ đều không của các pháp biết suốt chẳng mê, chẳng đồng với tánh vô tình. Tự hiểu một cách mầu nhiệm rằng, đây là cái tâm thể không tịch, hư tri, thanh tịnh của ông. Tâm không tịch này là cái Thắng tịnh minh tâm của ba đời chư Phật, cũng là cái Giác tánh bản nguyên của chúng sinh. Ngộ nó và giữ nó thì ngồi trên tòa giải thoát nhất như chẳng động. Mê nó và trái nó thì trường kiếp luân hồi trong sáu thú. Cho nên nói: “Mê nhất tâm đến sáu thú, ấy là đi, là động. Ngộ pháp giới trở về nhất tâm, ấy là đến, là tĩnh.” Tuy mê ngộ có sai khác, nhưng bản nguyên thì chỉ có một. Cho nên nói: “Pháp ấy là tâm của chúng sinh, cái tâm không tịch này nơi thánh không tăng nơi phàm không giảm.” Lại nói: “Nơi thánh trí chẳng sáng, ắt phạm tâm chẳng mê.” Đã không tăng nơi thánh chẳng giảm nơi phàm, Phật tổ sao lại khác hơn người? Sở dĩ khác hơn người, ấy là hay tự giữ tâm niệm vậy.

Ông nếu tin được thì nghi tình liền dứt, phát chí trượng phu, khởi kiến giải chân chánh. Thân nếm cái mùi vị kia, tự đến tự chấp nhận cái địa vị kia. Đây là chỗ người tu tâm giải ngộ. Lại không có thứ đệ và cấp bậc. Cho nên gọi là đốn. Như nói: “Trong tín nhân đã khế hợp với quả đức của chư Phật không sai một mảy, mới thành tín vậy.”

Hỏi: Đã ngộ lý này lại không giai cấp. Có sao lại nhờ vào sự huân tu lần lần mới thành?

Đáp: Cái nghĩa ngộ rồi lần lần tu, trước đã nói đầy đủ, mà cái tình nghi chưa gỡ, nay chẳng ngại nói lại. Ông nên lặng tâm nghe rõ: Kẻ phạm phu từ vô thủy khoáng kiếp cho đến ngày hôm nay, trôi lăn trong năm đường sanh tử qua lại. Chấp cứng tướng ngã cùng vọng tưởng điên đảo. Hạt giống vô minh tập lâu thành tánh. Tuy đến nay đốn ngộ tự tánh xưa nay không lặng cùng Phật không khác, nhưng cái cựu tập này rất khó dứt trừ. Cho nên gặp cảnh thuận nghịch có giận có vui, chuyện thị phi lừng lẫy khởi diệt. Khách trần phiền não cùng trước không khác. Nếu chẳng dùng sức mạnh của trí Bát-nhã, thì làm sao có thể đối trị vô minh đến được chỗ thôi hết dứt hết? Như nói: “Đốn ngộ tuy đồng Phật, nhiều đời tập khí sâu. Gió dừng sóng còn dậy, lý hiện niệm còn xâm.”

Thiền sư Cảo nói: “Những kẻ lợi căn thường thường chẳng tốn nhiều sức để phát minh việc này, bèn sanh tâm dễ duôi, lại chẳng chịu tu trì, lâu ngày chầy tháng vẫn y như trước trôi nổi, chưa thoát khỏi luân hồi.” Lại há có thể một phen ngộ bèn bác chỗ hậu tu ư? Nên sau khi ngộ phải lâu ngày chiếu xét. Vọng niệm chợt khởi đều chẳng theo nó, lại trừ cho đến không còn trừ mới đến cứu cánh. Bậc thiện tri thức trong thiên hạ, sau khi ngộ rồi còn phải hành hạnh chơn trâu là thế.

Tuy có hậu tu nhưng trước đã đốn ngộ vọng niệm vốn không, tâm tánh vốn tịnh. Nơi việc ác đoạn mà không đoạn, nơi việc thiện tu mà không tu. Đây mới là chân tu chân đoạn. Cho nên nói rằng: “Tuy tu đủ muôn hạnh nhưng chỉ lấy vô niệm làm tông.”

Ngài Khuê Phong nhận xét nghĩa tiên ngộ hậu tu như sau: “Đốn ngộ tánh này nguyên không phiền não, vô lậu trí tánh vốn tự đầy đủ cùng Phật không khác. Ý đây tu tập gọi là Tối thượng thừa thiền, cũng gọi là Như Lai thanh tịnh thiền. Nếu hay mỗi niệm tu tập, tự nhiên lần lần được muôn ngàn tam-muội. Môn hạ ngài Đạt-ma lần lượt truyền nhau là thiền này.”

Lại, nghĩa đốn ngộ tiệm tu như xe có hai bánh, thiếu một không thể được. Hoặc có người chẳng biết thiện ác tánh không, vững ngồi chẳng động, đè nén thân tâm, như đá đè cỏ cho là tu tâm, đây là làm to. Nên nói: “Thanh văn tâm tâm đoạn hoặc, tâm năng đoạn là giặc.” Chỉ quán sát một

cách đúng đắn rằng: Sát, đạo, tâm, vọng, từ tánh mà khởi, khởi tức chẳng khởi, ngay nơi đó liền lặng, cần gì phải đoạn? Cho nên nói: “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm.” Lại nói: “Niệm khởi liền giác, giác nó liền không.” Nên người ngộ tuy có khách trần phiền não nhưng đều thành đề hồ.

Chỉ nên soi thấy các hoặc nguyên không có gốc. Ba cõi không hoa này như gió cuốn khói. Sáu trần huyễn hóa này như nước nóng tan băng. Nếu hay mỗi niệm tu tập như thế, chẳng quên chiếu cố định tuệ đồng tu thì thương ghét tự nhiên lạnh nhạt, bi trí tự nhiên thêm tỏ, tội nghiệp tự nhiên đoạn trừ, công hạnh tự nhiên tăng tiến. Khi phiền não tận thì sanh tử liền dứt. Nếu dòng phiền não nhỏ nhiệm vĩnh viễn đoạn trừ, thì còn lại Viên giác đại trí sáng suốt, liền hiện ngàn trăm ức hóa thân trong mười phương cõi nước. Tùy cơ cảm ứng giống như trăng hiện trong không, ảnh phân muôn nước. Ứng hiện không cùng, độ chúng sanh có duyên khoáng lạc vô ưu, gọi là Đại giác Thế Tôn.

Hỏi: Trong pháp môn hậu tu có nghĩa định tuệ đồng tu. Tôi thật chưa rõ, lại xin tuyên giải khiến mở mê để dẫn vào cửa giải thoát.

Đáp: Nếu lập pháp nghĩa để vào lý, thì ngàn pháp môn không pháp môn nào chẳng định tuệ. Nắm được cương yếu của nó thì trên tự tánh thể dụng có hai nghi, trước đã nói không tịch hư tri ấy vậy. Định là thể, Tuệ là dụng. Ngay nơi thể là dụng, nên tuệ chẳng lìa định. Ngay nơi dụng là thể, nên định chẳng lìa tuệ. Định tức tuệ nên tịch mà thường tri. Tuệ tức định nên tri mà thường tịch. Như Tào Khê nói: “Đất tâm không loạn là tự tánh định, đất tâm không si là tự tánh tuệ.” Nếu ngộ được như thế thì mặc tình tịch mà tri, chiếu soi hay che đậy không hai. Đây là cửa đốn và là định tuệ song tu vậy.

Nếu nói trước dùng lặng lẽ để trị duyên lự, sau lấy tỉnh táo để trị hôn trầm, trước sau đối trị điều phục hôn loạn để nhập vào chỗ tĩnh. Đây là cửa tiệm, là chỗ sở hành của người căn cơ kém. Tuy nói tỉnh táo và lặng lẽ gồm giữ nhưng chưa khởi giữ tĩnh làm pháp hạnh. Đâu như người liễu sự chẳng lìa bản tịch, bản tri nhậm vận song tu. Cho nên Tào Khê nói: “Tự ngộ mà tu hành chứ chẳng phải ở nơi chỗ tĩnh. Nếu mắc nơi tĩnh trước sau là người mê.”

Người liễu đạt đối với nghĩa định tuệ đồng tu, không rơi vào dụng công, nguyên tự nó vô vi, lại không một thời tiết đặc biệt nào. Khi thấy sắc, nghe tiếng chỉ có vậy. Khi mặc áo ăn cơm chỉ có vậy. Khi đại tiện tiểu tiện chỉ có vậy. Khi bàn chuyện với người chỉ có vậy. Cho đến đi đứng nằm ngồi, hoặc nói nín, hoặc vui, hoặc giận, trong tất cả thời mỗi mỗi đều như

thế. Giống như chiếc xuồng rồng nương theo sóng mặc tình lên xuống. Như dòng nước chảy trong núi, gặp lúc cong, gặp lúc thẳng mà tâm tâm vô tri. Ngày nay bay nhảy mặc tình, ngày mai mặc tình bay nhảy. Tùy thuận các duyên không chướng ngại. Nơi thiện ác chẳng đoạn chẳng tu. Chất trực không dối, thấy nghe tâm thường. Lại không một mảy bụi để đối đãi, nhọc gì ra sức chùi rửa? Không một niệm để sanh tình, chẳng nhờ mượn sức quên duyên.

Tuy nhiên người nghiệp chướng sâu, tập khí nặng, tuệ quán kém, tâm trôi nổi nhiều, sức vô minh lớn, sức Bát-nhã nhỏ. Nơi cảnh giới thiện ác chưa khỏi bị động tĩnh thay đổi. Tâm không lạnh nhạt, chẳng thể không quên duyên nên phải công phu lau chùi. Như nói: “Sáu căn nhiếp cảnh, tâm chẳng theo duyên gọi đó là định. Tâm cảnh đều không, soi xét không làm gọi đó là tuệ.” Đây là môn tùy tướng định tuệ, là pháp tiệm môn, là chỗ sở hành của người căn cơ kém. Trong pháp môn đối trị không thể không.

Nếu trạo cử lấy lòng thì trước dùng định môn xứng hợp với lý mà nhiếp tâm tán loạn, chẳng theo duyên khế hợp với bản tịch. Nếu hôn trầm quá nhiều thì dùng tuệ môn trạch pháp quán không, soi xét không làm để khế hợp với bản tri. Lấy định trị loạn tướng, lấy tuệ trị vô ký. Động tịnh đều hết, công phu đối trị cũng xong. Thế thì đối cảnh mà mỗi niệm về nguồn, gặp duyên mà tâm tâm khế hợp với đạo, nhậm vận song tu mới là người vô sự. Nếu như thế mới có thể gọi thật là “định tuệ đồng tu”, thấy rõ Phật tánh ấy vậy.

Hỏi: Căn cứ chỗ phân tích của ngài, pháp môn trước ngộ sau tu, trong nghĩa định tuệ đồng tu có hai loại: Một là tự tánh định tuệ, hai là tùy tướng định tuệ. Tự tánh định tuệ thì nói rằng mặc tình lặng biết, nguyên tự nó là vô vi, không một mảy trần để so sánh đối đãi. Nhọc gì ra sức chùi rửa. Không một niệm để sanh tình, không nhờ ra sức quên duyên. Ngài phân đó là môn đốn, chẳng lìa tự tánh định tuệ đồng tu.

Tùy tướng định tuệ thì nói rằng xứng hợp với lý, nhiếp tán loạn chọn pháp quán không. Quân bình điều phục hôn trầm và tán loạn để nhập vào vô vi. Ngài phân đó là tiệm môn, là chỗ hành của hàng căn cơ kém. Do đó nên đối với hai môn định tuệ này có chỗ nghi.

Nếu nói chỗ hành của một người là trước y nơi môn tự tánh định tuệ đồng tu, rồi sau đó là dùng môn tùy tướng công phu đối trị chẳng? Hay là trước lại y nơi môn tùy tướng, quân bình điều phục hôn loạn, rồi sau mới nhập vào môn tự tánh? Nếu trước y nơi tự tánh định tuệ thì mặc tình lặng

biết, lại không cần công phu đối trị, sao lại phải giữ môn tùy tướng định tuệ? Như đem ngọc sáng chạm khắc làm mất giá trị của nó.

Nếu trước dùng môn tùy tướng định tuệ đối trị thành công, rồi sau mới hướng về môn tự tánh thì giống y như trong môn tiệm, hạng căn cơ kém, trước ngộ sau lần lượt huân. Sao gọi rằng đồn? Cái ngộ trước tu sau là dùng công phu vô công phu. Nếu một lúc không trước sau thì hai môn định tuệ đồn tiệm có sự khác nhau, làm sao một lúc đồng hành? Lại môn đồn ấy y nơi môn tự tánh mặc tình quên công phu. Còn môn tiệm của hàng căn cơ kém, theo môn tùy tướng công phu đối trị nhọc nhằn. Như thế căn cơ đồn tiệm của hai môn chẳng đồng, hơn kém rõ ràng. Thế sao môn ngộ trước tu sau bên trong đều có chia hai loại? Xin nói rõ để dứt hết lòng nghi ngờ. Đáp: Chỗ tôi giải thích đã rõ ràng, ông tự sanh nghi, theo ngôn ngữ sanh hiểu biết rồi chuyển thành nghi hoặc. Nếu được ý quên lời, nhọc gì cật vấn? Nếu đem hai môn mỗi mỗi phân xét về chỗ hành, thì người tu tự tánh định tuệ là môn đồn, dùng công phu vô công phu, gồm vận dụng hai cái tịch tự tu, tự tánh, tự thành Phật đạo ấy vậy. Người tu môn tùy tướng định tuệ là trước chưa ngộ, dùng môn tiệm của hàng căn cơ kém để dụng công đối trị, tâm tâm đoạn hoặc, giữ gìn cái tĩnh làm pháp hạnh. Hai môn này chỗ đồn tiệm khác nhau chẳng thể làm lộn. Môn ngộ rồi tu sau ở trong ấy đã gồm nói môn tùy tướng đối trị rồi, chẳng phải toàn để cho hàng căn cơ kém hành, nắm cái phương tiện ấy tạm nói mà thôi. Bởi nơi đồn môn này cũng có hạng căn cơ thắng và căn cơ liệt, không thể lúc nào cũng xét đoán về hành lý kia.

Nếu người phiền não nhọt mọng, thân tâm nhẹ nhàng an ổn, nơi thiện lìa thiện, nơi ác lìa ác, tám gió chẳng động, ba thọ lặng yên, y tự tánh định tuệ nhậm vận song tu. Tánh thiên chân không tạo tác động tĩnh thường Thiền, thành tựu được lý tự nhiên, cần gì mượn môn tùy tướng đối trị? Không bệnh chẳng cần thuốc.

Người tuy trước đã đồn ngộ, nhưng phiền não còn đầy, tập khí còn nặng, đối cảnh niệm niệm sanh tình, gặp duyên tâm tâm đối đãi, bị hôn loạn kia giết chết, mê muội nên mất cái biết lặng lẽ thường nhiên. Ngay đó nhờ môn tùy tướng định tuệ, chẳng quên đối trị, quân bình điều phục hôn loạn để nhập vào vô vi, tức phải cần vậy.

Tuy mượn công phu đối trị, tạm điều phục tập khí, nhưng do trước đồn ngộ tâm tánh vốn tịnh, phiền não vốn không, nên liền không lạc về môn tiệm của hàng căn cơ kém và ô nhiễm tu tập.

Người chưa ngộ mà tu, tuy dụng công chẳng quên, niệm niệm huân tu mà thường sanh nghi chưa được vô ngại, như có một vật ngăn trong ngực.

Cái tướng chẳng an thường hiện ở trước, lâu ngày chầy tháng ra công đối trị thuần thực, thì thân tâm khách trần in tuồng được khinh an. Tuy được khinh an nhưng gốc nghi chưa dứt, giống như đá đè cỏ. Còn ở nơi ranh giới của sanh tử, chẳng được tự tại. Cho nên nói: “Chưa ngộ mà tu chẳng phải chân tu.”

Người ngộ tuy có dùng phương tiện đối trị, nhưng niệm niệm không nghi chẳng rơi vào ô nhiễm, lâu ngày chầy tháng tự nhiên khế hội. Diệu tánh thiên chân mặc tình lặng biết, niệm niệm phan duyên tắt cả cảnh, nhưng tâm vĩnh viễn đoạn các phiền não, chẳng lìa tự tánh định tuệ đồng tu, thành tựu vô thượng Bồ-đề. Sánh với cơ trước có phần hơn, nhưng lại không sai khác. Vậy thì môn tùy tướng định tuệ, tuy là chỗ hành của hàng tiệm cơ, nhưng đối với người đốn ngộ có thể bảo là chỉ sắt thành vàng. Nếu biết như thế thì đâu do hai môn định tuệ, mà có cái nghi thứ lớp trước sau ?

Mong các vị tu hành nên nghiên cứu ý vị của lời nói này, chớ hồ nghi mà tự sanh lui sụt. Nếu người đủ chí trượng phu, cầu vô thượng Bồ-đề, bỏ đây thì làm sao? Cần yếu là chớ chấp vào văn tự, phải hiểu thẳng và mỗi mỗi quy về tự kỷ, khế hợp với Thiền tông thì vô sư trí, tự nhiên trí hiện tiền. Lý thiên chân rõ ràng chẳng mê, thành tựu được tuệ thân chẳng do nơi khác mà ngộ.

Lại diệu chỉ này tuy là việc chung cho mọi người, nhưng nếu không phải là người có căn khí Đại thừa và đã gieo trồng giống Bát-nhã từ trước, thì không thể nào một niệm sanh chánh tín được. Đâu những chẳng tin lại đi phỉ báng để chiêu quả vô gián, là thường thấy vậy. Tuy chẳng tin nhận, nhưng một lần nghe qua tai, cũng tạm thời kết duyên, công đức của người ấy cũng không thể lường được. Như trong Duy Tâm Quyết nói: “Nghe mà không tin còn kết được nhân Phật chủng. Học mà chẳng thành còn hơn phước báo cõi người, cõi trời, chẳng mất chánh nhân thành Phật. Huống lại nghe liền tin, học liền thành công, giữ gìn chẳng mất, thì công đức kia đâu hay đo lường được?”

Truy niệm về nghiệp quá khứ luân hồi chẳng biết bao nhiêu kiếp, theo dòng hắc ám vào địa ngục vô gián, chịu muôn ngàn thống khổ chẳng biết bao nhiêu phen. Muốn cầu Phật đạo chẳng gặp thiện hữu nên trường kiếp trầm luân, mờ mịt chẳng biết, tạo tác nghiệp ác. Cũng có lúc hoặc một phen nghĩ, bất chợt thở dài, lại cam thông thả để rồi trở lại thọ những tai ương như trước sao?

Chẳng biết ai khiến ta nay được làm người, trong vạn vật hư dối này, chẳng mê mờ đường tu chân. Thật có thể gọi là rùa mù mà gặp bông cây,

hạt cải ném vào lỗ kim. Đây là một điều vinh hạnh có gì hơn? Nay ta nếu tự sanh lui sụt, hoặc sanh lười biếng mà thường trông lại phía sau, bỗng chốc mất thân mạng, thoái đọa vào đường ác, chịu các khổ não. Khi ấy tuy mong nghe được một câu Phật pháp để tin hiểu thọ trì, mong khỏi cảnh chua cay ấy còn trông gì được? Đến lúc lâm nguy hối hận không ích gì.

Mong các vị tu hành chớ sanh phóng dật, chớ mắc tham dâm. Như cứu lửa cháy đầu chẳng quên soi xét. Vô thường chóng vánh, thân như giọt sương mai, mạng như bóng trời chiều. Ngày nay còn đây, ngày mai khó bảo toàn. Cần phải lưu ý!

Vả lại, bằng vào cái thiện hữu vi ở thế gian cũng có thể khỏi ba đường khổ luân hồi, nơi cõi trời, cõi người được quả báo thù thắng, thọ các khoái lạc. Huống lại, đây là pháp môn tối thượng thừa rất thâm sâu. Chỉ tạm thời có niềm tin cũng thành tựu được công đức không thể lấy tỷ dụ mà nói được một phần nhỏ. Trong Kinh nói: “Nếu có người lấy bảy báu bằng ba ngàn đại thiên thế giới, bố thí cúng dường cho bao nhiêu chúng sanh trong thế giới ấy đều được đầy đủ. Lại giáo hóa cho họ được tứ quả. Công đức kia vô lượng vô biên, cũng không bằng công đức chỉ khoảng một bữa ăn chánh tư duy pháp này.” Thế nên pháp môn này của ta tối tôn tối quý, đối với các công đức so sánh không đến được. Cho nên Kinh nói: “Một niệm tịnh tâm là đạo tràng, còn thù thắng hơn tạo tháp bảy báu như hằng sa. Tháp báu rồi sẽ nát thành bụi, một niệm tịnh tâm thành tựu được quả Phật.”

Mong mỗi các vị tu hành nghiên cứu ý vị của lời này, cần phải lưu ý! Thân này chẳng nhằm đời này độ, lại đời nào độ thân này? Nay nếu chẳng tu, ngàn kiếp sai lầm. Nay nếu gắng tu cái hạnh khó tu, lần lần được công hạnh chẳng khó, rồi sẽ tự tiến. Than ôi! Người thời nay đói gạo cơm vua mà chẳng biết ăn. Bệnh gặp y vương cho thuốc mà chẳng biết uống. Không biết phải nói như thế nào! Tôi cũng đành cam chịu vậy!

Vả lại, việc hữu vi ở thế gian hình dáng nó còn có thể thấy, công dụng nó còn có thể xét nghiệm. Khi thành công một việc người ta còn tán thán cho là ít có. Còn tâm tông của ta đây không hình có thể nhìn, không trạng có thể thấy, đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành tuyệt. Cho nên thiên ma ngoại đạo hằng hủy báng cửa Không, Thích Phạm chur thiên không ngớt ngợi khen. Huống nữa, kẻ phàm phu dùng kiến thức cạn cợt, đối với tâm tông còn mờ昧, làm sao biết được?

Thương thay! Con ếch trong giếng sao biết được bao la của biển cả. Con đã can làm sao rộng được tiếng sư tử? Nên biết, trong đời mạt pháp

mà có người nghe pháp môn này cho rằng rất hy hữu và tin hiểu thọ trì, người ấy đã ở trong vô lượng kiếp thừa sự chư thánh và gieo trồng các căn lành, kết sâu được cái chánh nhân Bát-nhã, có căn tánh tối thượng. Kinh Kim Cang nói: “Người đối với chương cú này hay sanh tín tâm, nên biết người ấy đã ở chỗ vô lượng đức Phật trồng các căn lành.” Lại nói: “Vì những hàng phát tâm Đại thừa mà nói, vì những hàng phát tâm Tối thượng thừa mà nói”

Mong các vị cầu đạo chớ sanh tâm hèn yếu, cần phải phát tâm đồng mãnh. Nhân lành đời trước nay đâu biết được? Nếu chẳng tin mình có khả năng thù thắng thì cam làm hạ liệt, rồi sanh ý tưởng cho là khó khăn. Nay chẳng chịu tu, dù có thiện căn đời trước, hiện nay đoạn tuyệt. Càng ở trong cái khó kia lần lượt thành xa vậy.

Nay đã đến núi châu báu chẳng lẽ trở về tay không. Một phen mất thân người muôn kiếp khó tìm lại. Mong phải cẩn thận đó!

Há lại có người biết núi châu báu kia mà chẳng cần nó, rồi lại hằng oán trách mình nghèo khó ư? Nếu muốn được châu báu thì đừng tiếc thân này.

Phần Giảng Giải

Tu Tâm Quyết là quyết nghị về vấn đề tu tâm. Quyết là giải quyết những nghi ngờ. Trước hết ngài nói tổng quát rồi sau đặt từng câu hỏi để giải thích chi tiết.

Ba cõi nhiệt não như trong nhà lửa, chúng sanh an nhẫn đắm mình trong đó để chịu khổ dài.

Ba cõi là tam giới, nóng bức như cái nhà lửa, nóng bức đây là do bị vô thường ép đuổi, không lúc nào yên ổn. Thế mà chúng sanh cam chịu ở trong đó không muốn ra, để rồi chịu khổ dai dẳng tháng này đến năm nọ.

Muốn khỏi luân hồi không đâu bằng cầu Phật. Nếu muốn cầu Phật, thì Phật tức là tâm.

Người nào muốn ra khỏi vòng luân hồi lẩn quẩn của tam giới thì không gì bằng cầu Phật. Mà muốn cầu Phật không gì khác hơn là cầu tâm, vì Phật tức là tâm.

Tâm nào tìm chi cho xa, đâu có lìa thân này. Sắc thân là giả, có sanh có diệt. Chân tâm như hư không, chẳng đoạn chẳng biến. Cho nên nói: “Hài cốt vỡ tan trở về lửa gió, một vật trường linh che trùm trời đất.” Than ôi! Người hôm nay mê lâu thế?

Tâm không phải ở đâu xa xôi, mà chính ngay nơi thân của mình. Sắc thân này là giả, có sanh có diệt. Chân tâm ẩn trong sắc thân này không có hình tướng, chẳng khác nào như hư không, không đoạn không diệt, chẳng đổi, chẳng dời. Nên nói: Khi thân thể chúng ta rã tan thì đất trở về đất, gió trở về gió, lửa trở về lửa, nước trở về nước không cái nào thật hết, chỉ có một cái trường linh, hằng linh minh, hằng sáng suốt, mà che khắp cả trời đất. Cái đó là thật mà chúng ta không nhận ra, cứ bám vào cái thân hư giả cho là mình, quên đi cái thường hằng sáng suốt, trùm khắp cả trời đất. Cho nên ngài than: Người hôm nay sao mà mê lâu thế!

Chẳng biết tâm mình là chân Phật, chẳng biết tánh mình là chân pháp. Muốn cầu pháp mà cầu các thánh ở tha phương. Muốn cầu Phật mà chẳng quán tự tâm.

Phật là tâm, pháp là tánh. Thế mà người muốn cầu pháp cứ chạy phương này, phương kia tìm cầu, không nhận ngay nơi pháp tánh của mình. Muốn cầu Phật mà chỉ thấy Phật ở xứ này xứ nọ, không nhận Phật ngay nơi tự tâm. Nếu chịu khó quán lại tự tâm thì rất dễ thành Phật.

Nếu nói ngoài tâm có Phật, ngoài tánh có pháp, chấp cứng tình này, muốn cầu Phật đạo, dù trải qua số kiếp như vi trần, đốt thân chặt tay đập xương ra

tủy, chích máu viết kinh, ngồi mãi chẳng nằm, ngày ăn một bữa, cho đến đọc hết một đại tạng kinh, tu muôn ngàn khổ hạnh, chẳng khác nào nấu cát làm cơm, chỉ luống tự nhọc.

Nếu bỏ tâm mình để cầu Phật pháp bên ngoài, dù cho tốn nhiều công phu, khổ hạnh cũng không bao giờ tìm được, bởi vì cái gốc không nhận, lại đi kiếm cái gì bên ngoài thì làm sao mà tìm cho ra. Nên nói chỉ khổ công vô ích, không đạt đến kết quả, chẳng khác nào như người nấu cát muôn thành cơm.

Ông chỉ hiểu tâm mình, thì hổng sa pháp môn, vô lượng diệu nghĩa chẳng cầu mà được. Đức Thế Tôn nói: “Ta xem khắp tất cả chúng sanh đều có đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai.” Lại nói: “Tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều huyễn hóa mà hay sanh ra cái diệu tâm viên giác Như Lai.”

Đoạn này dẫn trong kinh Hoa Nghiêm, khi đức Phật thành đạo rồi, ngài quán xét tất cả chúng sanh, thấy ai cũng có đức tướng trí tuệ như Phật mà không chịu nhận. Mỗi người chúng ta mang thân ngũ uẩn này chỉ là thân huyễn hóa tạm bợ, nay còn mai mất, chợt có chợt không, nhưng ở trong đó ngầm chứa cái tâm diệu viên giác còn mãi không mất. Thế mà chúng ta không nhận ra.

Thế nên lìa tâm này không Phật có thể thành. Quá khứ chư Phật chỉ là người sáng tâm mà thôi. Hiện tại các bậc Thánh hiền cũng là người tu tâm mà thôi. Vị lai người tu học nên y pháp như thế mà tu.

Phật sở dĩ được thành Phật là ngài sáng được tâm. Sáng tâm tức là ngài giác ngộ tâm mà thành Phật. Còn những vị Thánh hiền chúng ta tôn sùng cũng là người biết nhận ra tâm mà tu. Chúng ta là kẻ hiện nay tu học thì cũng phải y cứ nơi tâm mà tu.

Mong mỗi người tu cần yếu chớ tìm cầu bên ngoài. “Tâm tánh không nhiễm vốn tự nhiên thành, chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật.”

Đó là câu then chốt, nếu tâm tánh không nhiễm tức là không bị vọng duyên chi phối, thì nó tự viên thành, đầy đủ. Chỉ cần lìa các vọng duyên là như như Phật chứ không có gì khác. Chúng ta tu là cốt lìa vọng duyên, trở về với ông Phật sẵn có của mình.

Hỏi: Nếu nói Phật tánh hiện ở thân này, đã ở trong thân không lìa phạm phu. Có sao nay tôi chẳng thấy Phật tánh? Xin giải rõ khiến được khai ngộ.

Đáp: Ở tại thân ông mà tự ông chẳng thấy. Suốt mười hai giờ ông biết đói, biết khát, biết lạnh, biết nóng, hoặc vui, hoặc giận v.v...v... trọn là vật gì?

Biết đói, biết khát, biết lạnh, biết nóng, biết vui, biết buồn v.v... Đó là cái gì? Là vọng hay chân? Sai một tí là vọng, mà nhích lại một tí là chân. Nó không rời mấy cái đó. Để đoạn sau sẽ nói thêm.

Lại sắc thân là đất, nước, gió, lửa bốn duyên hội hợp, cái chất của nó là vô tình, đâu hay thấy nghe hiểu biết? Cái thấy nghe hiểu biết nhất định là Phật tánh của ông.

Thê xác của chúng ta đây rõ ràng do đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành, nhưng đất, nước, gió, lửa đâu có tự biết. Bốn thứ không biết hợp lại cũng thành cái không biết, chứ đâu thành cái biết được. Tuy nhiên ở nơi tứ đại còn có cái biết, dĩ nhiên cái biết đó không phải là tứ đại mà nó nương nơi tứ đại, nó chính là Phật tánh của mọi người. Nhưng nếu lệch một chút thì nó thành vọng tưởng.

Tổ Lâm Tế nói rằng: “Tứ đại chẳng biết nói pháp, chẳng nghe pháp. Hư không chẳng biết nói pháp, chẳng nghe pháp. Chỉ cái rõ ràng riêng sáng ở trước mắt của ông, cũng chớ phân tích nó, cái ấy mới biết nói pháp và nghe pháp.”

Như hôm nay tôi nói pháp, nếu tôi không tâm thì làm sao tôi nói cho quý vị nghe. Quý vị nghe pháp nhưng hư không không nghe được; đất, nước, gió, lửa cũng đâu biết nghe. Cái biết nghe đó không phải là hư không và đất, nước, gió, lửa rồi. Nhưng cái đó phân tích ra thì không phải. Cho nên cấm kỵ nhất là phân tích, đó là chỗ quan trọng.

Ba chữ “chớ phân tích” là pháp ấn của chư Phật và cũng là tâm bản lai của ông. Thế thì Phật tánh ở tại thân ông, đâu nhờ cầu bên ngoài?

Biết mà không phân tích thì đúng, Biết mà phân tích thì sai. Pháp ấn của chư Phật nằm ngay chỗ đó. Phật tánh ở ngay thân này, ai ai mà không có?

Có lần ngài Hoàng Bá tránh chúng đến ở chùa Khai Nguyên thuộc Hồng Châu. Ngài ở với tư cách là một tăng sĩ thường chứ không phải là vị Hòa thượng đặc đạo. Một hôm tướng quốc Bùi Hưu vào chùa thấy hình vẽ trên vách, hỏi thầy Trụ trì:

- Vẽ cái gì đây?

Thầy Trụ trì đáp: - Vẽ hình cao tăng.

Bùi Hưu hỏi: - Hình có thể thấy, cao tăng ở đâu?

Thầy Trụ trì không đáp được.

Bùi Hưu hỏi: - Trong đây có thiền nhân chăng?

Thầy Trụ trì đáp: - Vừa có một vị tăng vào chùa đang làm việc in tuồng thiền giả.

Bùi Hưu bèn xin phép thầy Trụ trì cho gặp. Thấy Sư, Bùi Hưu thưa:

- Bùi Hưu vừa có một câu hỏi, chư đức tiếc lời, giờ thỉnh Thượng nhân đáp thế một câu.

Bùi Huru lặp lại câu hỏi trước.

Ngài dùng tiếng trong thanh gọi: - Bùi Huru!

Bùi Huru: - Dạ

Ngài bảo: - Ở chỗ nào?

Bùi Huru ngay đó ngộ được ý chỉ.

Quý vị thấy thánh nhân ở đâu? Cái biết dạ đó không phải thánh nhân sao? Vừa gọi liền dạ, tức là ông rồi chứ gì. Rõ ràng người ta khéo chỉ tâm. Thấy hình tướng đó mà hỏi tâm ở đâu thì cần gì giải thích, không phân tích gì cả. Kêu tên thì Dạ. Cái biết dạ đó không phải tâm ông là gì?

Bùi Huru ngộ ngay chỗ đó. Đó là chỗ đặc biệt, trong nhà thiền thường hay dùng. Ví dụ đang đi, kêu tên liền dạ. Hỏi: Đó là cái gì? Nếu ngộ thì ngộ, không ngộ thì thôi.

Như vậy biết nói, biết đi, biết hành động, không phải tâm là gì? Nhưng mà đừng phân tích. Khi người ta kêu tên mình dạ, lúc đó có phân tích gì đâu? Không nghĩ, không tưởng, cứ ứng ra liền dạ, là biết một cách không suy tư. Hỏi: “Là cái gì?” thì ông ngộ liền. Nếu không giải thích thì thấy vị ấy nghe kêu liền ngộ lấy làm lạ không biết ngộ cái gì, tại sao mình không ngộ? Bùi Huru ngộ bởi vì ông đang thắc mắc: Mình đi đứng nằm ngồi thể xác sờ sờ đó mà tâm ở chỗ nào? Nên ông lấy hình ảnh trên vách để hỏi: “Hình có thể thấy mà cao tăng ở đâu?” Ngài Hoàng Bá không nói mà chỉ kêu Bùi Huru. Ông dạ. Rồi hỏi: Ở chỗ nào? Ông liền ngộ. Đó là đã chỉ quá rõ rồi.

Cho nên nhiều vị không vào cửa Thiền, thấy chuyện đó như không dính dáng gì đến việc khai ngộ, nói chuyện gì đâu đâu trên trời dưới đất. Tuy nhiên, đó đâu phải là chuyện trên trời dưới đất, mà là một cách chỉ không lời hết sức khéo léo. Chúng ta nhiều khi giải thích khô cổ họng mà người không hiểu. Còn các ngài chỉ cần một tiếng kêu, một câu hỏi là người ngộ liền.

Cho nên ở đây cấm kỵ phân tích, mà biết rõ ràng vậy đó, tâm hiện hữu nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhưng cấm kỵ phân tích, vừa phân tích là bệnh.

Ông nếu chẳng tin, tôi sẽ nêu lên nhân duyên nhập đạo của các bậc thánh xưa, để cho ông trừ hết nghi hoặc. Ông sẽ tin là chân thật.

Xưa vua Di Kiến hỏi tôn giả Ba-la-đề rằng:

- Thế nào là Phật?

Tôn giả đáp:

- Kiến tánh là Phật.

Vua hỏi:

- Thầy kiến tánh chẳng?.

Tôn giả đáp:

- Tôi kiến Phật tánh.

Vua hỏi:

- Tánh tại chỗ nào?

Tôn giả đáp:

- Tánh tại tác dụng.

Như trước đã nói, chân tâm biểu lộ ra mọi hành động, tác dụng đó là diệu dụng của nó.

Vua hỏi:

- Ấy là tác dụng gì? Sao trẫm chẳng thấy? ” Tôn giả đáp:

- Tôi đã thấy tác dụng rõ ràng, tự nhà vua không thấy đó thôi.

Vua hỏi:

- Nơi trẫm có không?

Tôn giả đáp:

- Bệ hạ nếu tác dụng thì đâu chẳng có. Còn Bệ hạ nếu chẳng tác dụng thì thể kia khó thấy.

Tôn giả nói chân tâm có tác dụng, vua Dị Kiến thắc mắc có tác dụng sao vua không thấy. Tôn giả đáp khó thấy chứ không phải là không có.

Vua hỏi:

- Nếu khi đang tác dụng mấy chỗ xuất hiện?

Tôn giả đáp:

- Nếu khi xuất hiện thì có tám chỗ.

Vua nói:

- Xin vì trẫm chỉ tám chỗ xuất hiện kia.

Tôn giả đáp:

- Nơi thai gọi là thân, ở đời gọi là người, nơi mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, nơi mũi phân biệt các mùi, nơi lưỡi đàm luận, nơi tay nắm bắt, nơi chân chạy nhảy. Biến hiện thì khắp sa giới, thu lại thì chỉ trong hạt bụi. Người hiểu biết cho đó là Phật tánh, người chẳng hiểu gọi đó là tinh hồn.

Nhà vua nghe xong liền khai ngộ.

Chân tâm khi gá vào thai thì gọi là thân. Khi gá vào thân sống hiện tại thì gọi là người, nơi mắt thì thấy nơi tai thì nghe... Vua nghe xong liền khai ngộ. Khai ngộ đây là khai ngộ cái gì? Biết được tâm mình gọi là ngộ chứ có gì đâu. Quý vị ngộ chưa? Nhà vua chỉ nghe như vậy là ngộ liền, còn chúng ta thì nghe nhiều quá mà cũng chưa ngộ.

Có một vị tăng hỏi hòa thượng Quy Tông rằng:

- Thế nào là Phật?

Đáp: - Ta nói ra sợ ông chẳng tin.

Tăng thưa: - Hòa thượng nói thật con đâu dám chẳng tin.

Đáp: - Tức là ông đấy.

Mọi động tác từ tâm xuất hiện thì Phật chính là tâm, tức là Phật ngay nơi mình chứ không đâu xa.

Tăng hỏi: - Bảo nhiệm như thế nào?

Đáp: - Vết mây nơi mắt làm cho không hoa rơi loạn. Vị tăng kia ngay lời ấy tỉnh ngộ.

Bảo nhiệm tức là gìn giữ, còn gọi là trưởng dưỡng thánh thai. *Vết mây nơi mắt làm cho không hoa rơi loạn.* Con mắt dụ cho chân tâm sẵn có của mình, vết mây dụ cho vọng tưởng dấy khởi. Có vết mây thì nhìn bầu trời thấy hoa đốm loạn. Cũng như có vọng tưởng thì nhìn ra sự vật liền đắm nhiễm. Bây giờ muốn hết thấy hoa đốm thì chịu khó nhỏ thuốc cho tan hết mây trong mắt. Mắt hết mây thì không còn nhìn thấy hoa đốm. Cũng vậy dứt hết vọng tưởng thì tâm nhiễm pháp trần liền sạch. Con mắt hết mây dụ cho chân tâm thanh tịnh nên ông tăng nghe nói liền ngộ.

Trên đã nêu lên nhân duyên nhập đạo của các bậc thánh xưa, rõ ràng giản dị rất ít phí sức.

Như vậy quý vị thấy tu có cực khổ không? Đâu có khổ cực gì. Không phải khổ hạnh, không ép xác, chỉ cần nhận ra cái tâm chân thật là có nhân duyên nhập đạo.

Nhân công án này, nếu có chỗ tin hiểu, tức cùng với thánh xưa nắm tay mà đi.

Nếu nhận được thì mình với các vị thánh nắm tay đồng hành, nếu không nhận được thì mình với các ngài cách xa trời đất. Vì vậy nhà Phật tuy dạy nhiều pháp môn tu, nhưng rút lại thật là đơn giản, đó là lóng lạng vọng tâm. Vọng tâm lóng lạng thì chân tâm hiện chứ không có gì hết.

Hỏi: Ngài nói kiến tánh, nếu thật kiến tánh tức là thánh nhân, ứng hiện thần thông biến hóa khác hẳn mọi người. Có sao những người tu tâm hiện nay, không có một người hiện thần thông biến hóa?

Đáp: Người chớ nên khinh khi mà phát ra lời nói điên như thế. Chẳng phân tà chánh là người mê đảo. Người học đạo thời này miệng thời bàn chân lý, tâm thì sanh thói khuất, trở lại rơi vào chỗ vô phần, nên khiến ông sanh nghi. Người học đạo chẳng biết trước sau, nói lý chẳng phân gốc ngọn, đây là tà kiến chứ chẳng gọi là tu học, chẳng những chỉ tự làm mà còn làm lầm người. Hạng người này há chẳng thận trọng ư?

Ở đây nêu câu hỏi: Người thời nay tu ngộ được tâm mà sao không thấy ai có thần thông biến hóa? Ngài quở: Nói như vậy là điên đảo, ngoài miệng thì nói đạo lý mà trong lòng thì lui sụt. Nếu không khéo sẽ rơi vào chỗ vô phần tức là không đạt được gì hết. Vì thấy một số người tu lồi thối nên ông sanh nghi chứ thật không phải vậy. Người học đạo không biết cái nào trước, cái nào sau, nói lý lẽ thì không phân biệt cái nào là gốc, cái nào là ngọn nên ngài khuyên phải dè dặt đối với những người ăn nói lộn xộn chưa rành rẽ.

Phàm nhập đạo có nhiều cửa, nhưng nói chỗ cốt yếu chẳng ngoài hai cửa đón ngộ và tiệm tu. Tuy nói đón ngộ đến tu là hàng căn cơ tối thượng mới được vào. Nhưng suy về quá khứ thì đã nhiều đời y nơi ngộ mà tu, lần lần huân tập cho đến đời này, nghe liền phát ngộ, một chốc liền xong. Xét lẽ thật là căn cơ trước ngộ sau tu.

Ví dụ như bây giờ có người nghe một hiểu mười, nghe mười hiểu trăm, thì mình cho đó là căn cơ bậc thượng nghe ít hiểu nhiều. Còn có người nghe chậm hiểu, nghe tới đâu thì hiểu tới đó. Có người nghe mà không hiểu, nghe hai ba lần cũng chưa hiểu. Như vậy người nghe một hiểu mười gọi là căn cơ bậc thượng, người nghe đâu hiểu đó gọi là căn cơ bậc trung, người nghe mà không hiểu gọi là căn cơ bậc hạ. Chia ra căn cơ bậc thượng, trung và hạ là như vậy. Nhưng người bậc trung nhìn lên người bậc thượng, buồn tại sao mình ngu quá. Người ta nghe một hiểu mười mà mình nghe đâu hiểu đó, không hiểu bằng người ta. Còn người bậc hạ thì cảm thấy sao mình ngu quá, người ta nghe hiểu liền, còn mình nghe không hiểu. Mỗi người đều tự trách, nếu người căn cơ bậc thượng không chịu xét kỹ, họ nghe ít hiểu nhiều đâm ra kiêu mạn, xem thường những người nghe mà không hiểu hoặc nghe tới đâu hiểu tới đó. Như vậy là bệnh. Chúng ta phải biết rằng: Người nghe một hiểu mười, thì người ấy đã học điều đó trăm ngàn lần rồi. Thí dụ: Hồi trước quý vị học thuộc lòng một bài ca hay một bài thơ. Sau thời gian năm năm, mười năm, ba mươi năm bỏ qua thì coi như quên. Nếu hôm nào đó gặp một nhà văn hay một nhà thơ đến chơi, có cả mấy người nông dân học trò và người đã học thuộc lâu bài thơ hồi trước cũng đến. Khi ấy nhà văn đọc lại bài thơ đó, mọi người đều chú ý nghe. Vừa

đọc lên câu thứ nhất, mọi người nghe hay quá. Ông dừng lại hỏi: “Nhu vậy các anh biết bài thơ đó chưa?” Người chưa từng nghe lần nào, như anh nông dân thì nghe câu đó chưa biết gì hết. Anh có học khá khá thì nghe biết câu đó hay. Còn anh đã học thuộc lâu rồi, nghe liền nói: “Ồ! Câu đó tôi đã thuộc rồi.” Chẳng những anh nhớ câu đó mà thuộc luôn mấy câu sau nữa. Nghe vậy, thiên hạ kinh ngạc: “Lạ! Tại sao nhà văn mới đọc một câu mà người này thuộc tới bảy tám câu?” Ai cũng ngạc nhiên nhưng đâu ngờ chính anh này đã học thuộc lòng hồi trước rồi bỏ quên, nay nhắc lại liền nhớ chứ có gì đâu. Nếu mấy người kia chịu khó học thuộc lòng như anh này, thì khi nghe nhắc lại một câu cũng nhớ hết. Như vậy nếu truy nguyên về quá khứ, thì không có gì lạ hết.

Hàng thượng căn thượng trí vì đã huân tu, sắp sửa thành Bồ-tát rồi. Nay nghe nói tới hạnh Bồ-tát, người ta bưng ngộ thành Bồ-tát, chuyện đó rõ ràng. Còn chúng ta là kẻ phàm phu chưa từng biết tu hành gì hết, bây giờ nghe nói chân tâm Phật tánh liền than: “Chà! Sao khó hiểu quá! Nghe như vịt nghe sấm.” Tại vì từ trước chúng ta chưa từng huân tập, nay nếu chịu khó huân tập, từ từ thì sau sẽ hiểu, giờ chưa được thì sau sẽ được, nghĩa là huân tập từ từ thì được chứ không có gì hết.

Sau đây nói đốn ngộ đốn tu. Đốn tu là ngộ rồi thì mọi việc đều xong. Đó là vì người ấy đã tu lâu rồi, bây giờ chỉ cần nhắc lại là đầy đủ. Còn chúng ta chưa từng nghe gì hết. Bây giờ nghe Phật tổ dạy, liền than: “Tại sao tôi hiểu mà những thói hư tật xấu còn hoài, kỳ quá!” Tại vì chúng ta mới nghe, mới hiểu, còn bao nhiêu thói hư tật xấu đã tạo ngàn đời ngàn kiếp bây giờ làm sao bỏ hết được. Cho nên đừng có bi quan. Nếu chúng ta nghe một hiểu mười thì cũng không kiêu ngạo khinh khi người khác, vì biết đó là do mình đã huân tập từ trước. Nếu nghe tới đâu hiểu tới đó thì thấy mình có cái duyên huân tập khá khá nhưng chưa được gần với đạo, bởi vì chưa dứt hết si mê. Còn những vị nghe mà không hiểu cũng đừng chán, nghe riết rồi từ từ hiểu. Hồi xưa chưa huân tập, bây giờ huân tập chứ có lo gì. Người đã huân tập rồi, bây giờ học lại mau hiểu nên khỏe. Hiểu như vậy thì sự tu hành chúng ta không thối chí. Nếu không, thấy mình ngu si ám độn quá đâm ra thối lui.

Lại, hai môn đốn tiệm này là lối mòn của ngàn thánh, các bậc thánh từ trước đâu chẳng trước ngộ sau tu, nhân tu mới chứng.

Vị thánh nào cũng đều như vậy hết. Trước ngộ sau tu, do tu cho nên chứng đạo.

Cái gọi là thần thông biến hóa ấy, phải ngộ mà tu, rồi lần lần huân tập mới hiện, chứ chẳng phải khi ngộ rồi liền phát hiện.

Chỗ này là chỗ người tu hay lầm lẫn. Mới ngồi tu hôm qua, hôm nay muốn thấy cái gì lạ, muốn được thần thông. Muốn làm sao tu chừng mười bữa, nửa

tháng là biết được tâm ý người khác nghĩ cái gì, đó là tham lam quá sức. Cái gốc, cái ngọn không phân rõ. Tu nhận được bản tâm mình là trước. Nhận rồi, mới dẹp vọng tưởng điên đảo cho thật sạch thì từ từ có thần thông diệu dụng. Sau khi hết vọng tưởng điên đảo rồi mới có diệu dụng. Chứ bây giờ vọng tưởng điên đảo còn đầy mà muốn có diệu dụng, làm sao được? Nếu có diệu dụng là diệu dụng của tham lam chứ không phải diệu dụng thật.

Người tu mà phát điên cuồng cũng tại bệnh tham đó. Ngồi lại tu năm ba tháng thì muốn có thần thông, muốn được biến hóa, muốn đủ thứ hết, nên ma nó dựa vào làm cho điên cuồng. Bây giờ nhận ra bản tâm, rồi y đó mà tu dẹp phiền não. Chừng nào phiền não thật sạch thì thần thông tự có, chứ không cần kiếm tìm cầu mong gì hết. Tu mà muốn biết chuyện quá khứ, hiện tại, vị lai cho nên ma dựa vô cho biết, rồi thành nô lệ của ma.

Như trong kinh nói: “Lý liền đốn ngộ, nhân ngộ đều tiêu. Sự chẳng phải một chốc liền trừ, lần lượt mới hết.”

Bởi ngộ cho nên thấy tất cả đều không thật đó là dẹp được cái sự. Nhưng mới lóe thấy như thế, còn thực tế phải tu từ từ, cái nào xấu mình bỏ, ban đầu bỏ cái thô, lần lần bỏ cái tế, bỏ chừng nào sạch trơn thì lúc đó mới tốt.

Ngài Khuê Phong rất thấu đáo về nghĩa trước ngộ sau tu. Ngài nói: “Biết băng nơi hồ toàn là nước, nhờ ánh mặt trời mới tan ra. Ngộ phạm phu tức là Phật, nhờ pháp lực để huân tu. Băng tan thì nước chảy và mới có công dụng giặt rửa. Vọng hết thì tâm rỗng suốt, mới ứng hiện diệu dụng thần thông sáng suốt.” Thế thì, việc thần thông biến hóa chẳng phải một ngày có thể thành tựu được, phải tiệm huân lâu mới có thể phát hiện. Huống lại, việc thần thông đối với người liễu đạt, còn cho là việc yêu quái và cũng là việc bờ mé ngọn ngành đối với bậc thánh, tuy cũng có hiện nhưng chẳng phải cần thiết.

Đối với người đạt đạo xem thần thông là việc yêu quái không có gì quan trọng. Đó là việc bờ mé ngọn ngành không phải là việc thật. Cho nên các bậc thánh không quan trọng thần thông. Có khi các ngài cũng phương tiện dùng nhưng đó không phải là việc cần thiết.

Bây giờ nhiều người tu đều mong có thần thông. Ngồi tu ít tháng thì muốn đủ thứ hết, trong khi đó không biết tâm mình ra sao, không biết vọng tưởng là cái gì, cứ muốn thần thông thì có phải là tai họa không? Đó là không biết gốc ngọn trước sau, tu như vậy rồi điên cuồng bệnh hoạn lại đổ thừa tại tu thiền điên. Đó là những chuyện tầm phào ở đâu đâu đem ghép vô cho người tu thiền!

Ngày nay những người mê vọng bảo rằng: Một niệm khi ngộ liền hiện vô lượng diệu dụng thần thông biến hóa. Nếu hiểu như thế, bảo họ là kẻ không biết trước sau, cũng không phân được gốc ngọn. Đã không biết trước sau gốc

ngọn mà muốn cầu Phật đạo, giống như người đem gỗ vuông tra vào lỗ tròn, há chẳng làm to ư?

Nếu cho rằng khi ngộ rồi hiện thần thông biến hóa, đó là ngu mê. Ngộ rồi còn phải huân tu một thời gian dài, còn nói ngộ rồi có thần thông biến hóa là lầm. Chỗ này chẳng những hạng người thường, người cư sĩ, người dốt nát cho tới mấy ông thầy tu cũng hỏi. Ví dụ nghe nói mình tu thiền được năm ba tháng thì họ hỏi: “Thấy cái gì chưa?” Gặp nhau thì hỏi những chuyện lạ lùng, chứ không chịu lắng nghe người đó nói đạo lý đúng hay sai. Không chịu nghe không chịu hiểu, mà cứ hỏi thấy gì chưa, được gì chưa, đó là người mắc kẹt trong cái huyền bí thần thông mà không chịu nhận ra lẽ thật.

Cho nên tu mà đúng lẽ chân thật dễ làm cho người ta chán, vì tu mấy năm rồi cũng không thấy gì. Nhất là mấy chú ở đây tu mãi ba năm, nếu có ai hỏi được gì chưa, chỉ cười cười nói không có gì, thì họ chán hết muốn tới tu viện. “Tu ba năm không có cái gì hết, dở quá! Như vậy tôi không tu ba năm, tôi cũng như mấy anh mà thôi.” Nhưng họ không ngờ chính mình tu là đẹp được vọng tưởng, nhận được chân tánh. Còn họ không tu thì họ sống với vọng tưởng, hai cái khác nhau. Họ cứ muốn biết những chuyện thần thông biến hóa đó là làm lần. Hạng người như vậy thật là đáng thương. Cho nên ở đây ngài nói người mê không biết trước sau, không biết gốc ngọn, giống như người đem cây vuông tra vào lỗ tròn.

Đã chẳng biết phương tiện nên khởi ý tưởng phiêu lưu, tự sanh lui sụt, đoạn chủng tánh Phật, người như thế chẳng phải ít. Đã tự mình chưa sáng, cũng không tin người khác có chỗ giải ngộ.

Khởi ý tưởng mong thần thông biến hóa là ý tưởng phiêu lưu, không có nơi chốn. Phiêu lưu không được thì sanh thôi chí lui sụt. Người như vậy là đoạn chủng tánh Phật. Hạng người này thật là nhiều. Mãi ba năm tu ở đây mấy chú đi thăm bà con sẽ gặp những người như vậy. Gặp nhau thì vỗ vai hỏi: “Ông ngộ gì chưa? Ông chứng gì chưa? Ông có thấy gì lạ không?” Người nào cũng như người nào hỏi bao nhiêu đó thôi. Tôi thì họ ít hỏi, bởi vì hỏi tôi thì họ hơi ngại một chút, chứ mấy chú thì thế nào cũng bị hỏi, vậy mấy chú sẽ đối đáp với họ làm sao?

Thấy người giải ngộ, không thần thông liền sanh ngã mạn, khinh hiềm đối thánh, thật đáng thương thay!

Ví dụ nghe nói có người ngộ đạo chút ít, biết đường lối tu, nghe như vậy có người lại hỏi: “Thầy biết tôi không? Tôi đang nghĩ gì?” Nếu trả lời không biết thì họ nói: “Ôi! Ông là phạm phu chay vậy mà ông làm thầy, ông đâu có biết hơn tôi mà làm thầy.”

Bây giờ chúng ta thấy có những người như vậy, họ thử thách người tu bằng cách đó. Họ cho rằng người tu hiểu đạo lý rồi thì phải được tha tâm thông, nếu thiếu cái đó thì họ cho là phạm phu cũng như họ, không hơn không kém. Như vậy là bệnh.

Hỏi: Ngài nói hai môn đốn ngộ tiệm tu là lối mòn của ngàn thánh. Đã đốn ngộ tại sao lại nhờ tiệm tu? Nếu tiệm tu có sao nói đốn ngộ? Lại xin tuyên nói hai nghĩa đốn tiệm, khiến dứt hết nghi thừa.

Đáp: Đốn ngộ ấy là phạm phu khi mê cho tứ đại là thân, vọng tưởng là tâm. Chẳng biết tự tánh là pháp thân chân thật. Chẳng biết tự kỷ hư tri là chân Phật. Ngoài tâm tìm phật, trôi nổi trong gian khổ. Chợt được thiện tri thức chỉ cho đường vào, một niệm hồi quang thấy được bản tánh của mình. Tánh địa này nguyên không phiền não. Trí tánh vô lậu vốn tự đầy đủ, tức cùng trí tánh của chư Phật chẳng khác nhau chút nào, cho nên gọi là đốn ngộ.

Ở đây nêu lên câu hỏi: *Tại sao đốn ngộ lại nhờ tiệm tu?* Ngài trả lời phạm phu mê cho tứ đại là thân, vọng tưởng là tâm, chẳng nhận ra cái hư tri tức là cái hiểu biết rốt ráo của mình là chân Phật. Hay không nhận ra được tự tánh pháp thân của mình. Bây giờ gặp thiện tri thức chỉ cho đường vào nên hồi quang phản chiếu tức là xoay lại nhận được bản tánh của chính mình. Thì ra bản tánh này không có phiền não, bởi vì nó đâu có buồn giận thương ghét mà phiền não. Ai mà ngộ được bản tánh chân thật thì người ấy với Phật đồng nhau không khác đó là đốn ngộ. Tuy nhiên đồng là đồng trên thể tánh nhưng Phật thì sạch phiền não, đầy đủ diệu dụng, còn chúng ta thì phiền não đầy ắp cho nên phải gắng tu để diệt trừ.

Tiệm tu đốn ngộ bản tánh cùng chư Phật không khác. Tập khí từ vô thủy khó trừ hết liền, nên phải y ngộ mà tu, lần lần huân tập mới thành công, cũng như trồng dưỡng thánh thai, lâu ngày mới thành thánh, nên nói tiệm tu. Giống như trẻ sơ sanh các căn đều đầy đủ cùng với người lớn không khác. Nhưng khi lực nó chưa đầy đủ, phải trải qua nhiều năm tháng mới thành người lớn.

Nói tiệm tu nghĩa là tập khí từ vô thủy khó trừ hết liền, nên phải tu từ từ nó mới hết. Như chúng ta nuôi dưỡng cái cây chẳng hạn mỗi ngày nó lớn từ từ chứ không thể nào nó lớn liền được. Sự tu của mình cũng vậy khi nhận ra bản tánh rồi tu từ từ mỗi ngày được một phần thanh tịnh, lâu ngày thì viên mãn. Phật cũng như người lớn, còn mình như đứa trẻ thơ. Thành ra phải nhờ công nuôi dưỡng lâu ngày mới lớn được. Đó là nghĩa đến ngộ tiệm tu.

Hỏi: Phải dùng phương tiện gì khiến một niệm hồi cơ, bèn ngộ tự tánh?

Đáp: Chỉ tự tâm ông, lại dùng phương tiện gì? Nếu dùng phương tiện để cầu giải hội tỷ như có người chẳng thấy mắt của mình, cho rằng không mắt, lại muốn cầu thấy.

Ở đây nêu câu hỏi dùng phương tiện gì khiến một niệm hồi cơ để ngộ được tự tánh? (Hồi cơ tức là hồi quang phản chiếu). Tuy nhiên, tâm của mình mà còn dùng phương tiện gì để thấy?

Như con mắt nhìn ra thấy sự vật, nhưng con mắt muốn thấy con mắt có thấy được không? Cái thấy biết sự vật đó là con mắt của mình, biết như vậy là đủ rồi, còn muốn thấy lại con mắt mình là chuyện không bao giờ có. Bây giờ rất nhiều người tu muốn như vậy. Có người nói: “Sao tôi không thấy chân tâm của tôi?” Nếu thấy, thì chân tâm là cái bị thấy rồi. Trong kinh Thủ-lăng nghiêm ngài A-nan hỏi Phật: “Phật nói vọng tưởng duyên theo bóng dáng sáu trần không phải là tâm của con. Như vậy bỏ cái đó thì con không thấy gì hết. Nếu chân tâm thật là tâm của con, lẽ ra con phải thấy nó, tại sao con không thấy?” Chính ngài A-nan còn lý luận như vậy, hướng là người tu chưa nhận ra bản tánh. Nghe nói thấy tánh chúng ta cứ tưởng thấy tánh là phải thấy cái bản tánh. Nhưng sự thật thấy là nhận biết, chứ không phải thấy bằng con mắt. Nếu thấy bằng con mắt thì chân tâm là cái bị thấy và chân tâm trở thành cảnh bên ngoài rồi. Con mắt có bao giờ thấy con mắt? Có ai không soi kiếng mà thấy con mắt mình không? Nếu soi kiếng mà thấy là thấy bóng con mắt, chứ không phải thấy con mắt mình thật. Thành ra con mắt không thấy con mắt, nhưng mà thấy cảnh thì biết mình có con mắt. Biết mình có chân tâm là khi nào thấy diệu dụng của nó. Chỉ cần nhận biết như vậy gọi là thấy tánh. Cho nên kiến tánh là nhận ra chân tâm mình. Cũng như thấy cảnh vật biết chắc mình có con mắt.

Nhận vọng làm chân là nhận giặc làm con. Thành ra vọng tưởng khởi lên từng niệm thì nhìn thấy. Cái mà không thấy được, cái đó mới thật là chân. Cái bị thấy là giả ở bên ngoài. Vì đời thấy, nên vọng niệm dấy lên chúng ta nhìn thấy, rồi nói vọng niệm là mình. Còn chân tâm thì không thấy nên thắc mắc: “Tại sao nó là mình mà mình không thấy?” Nhưng xét lại thì thật là vô lý, chân tâm chính là mình thì làm sao thấy được?

Thí dụ một hôm ở trong nhà có đám tiệc đông đảo nhiều người tới dự. Có người đứng ở ngoài nhìn vô nói: “Chà! Trong nhà đông quá chẳng biết người nào là chủ, người nào là khách?” Muốn biết chủ nhà chịu khó đợi tan tiệc khách ra về hết, còn lại người không ra về thì biết người đó là chủ. Cũng vậy, nhìn lại tâm mình, cái nào sanh diệt thì biết cái đó là giả. Cái nào không sanh diệt thì cái đó là chân thật. Đó là trường hợp nói chân vọng.

Trường hợp thứ hai là không nhận lầm. Ví dụ mình là người chủ trong nhà, có mấy đứa ăn trộm trá hình người quen biết, hoặc trá hình những người khách lạ ăn mặc sang trọng. Nó vào nhà kiếm chuyện lừa mình để ăn cắp đồ, vừa bước vô cửa mình biết chú này tới ăn cắp đây. Dù cho nó giả giọng nói kiêu nào mình cũng biết nó là tên ăn cắp. Biết nó là tên ăn cắp thì nhất định không lầm, nó không ăn cắp đồ của mình được. Nói chuyện một lát nó phải về không

chứ chẳng có chuyện gì xảy ra. Nghĩa là mình chỉ cần biết nó là tên ăn cắp thì nó không hại mình được. Còn nếu nó vô nhà mình thấy nó ăn mặc sang trọng là người tử tế, thì một lát thế nào cũng bị nó gạt.

Vì vậy tu Biết vọng không theo là đủ rồi. Quý vị nhớ nghĩa kiến tánh ở đây nói rất rõ ràng. Có một vị thiền sư tu đã kiến tánh. Một hôm ông quan ở địa phương đến thăm, hỏi ngài dạy người tu thế nào? Ngài trả lời: Cần phải kiến tánh.

Ông quan không hiểu. Vài hôm sau nghe vị thiền sư bị đau mắt, ông gửi thư cười chế nhạo: “Con mắt bệnh làm sao thấy tánh?” Thiền sư gửi thư trả lời: “Thấy tánh đâu phải thấy bằng con mắt. Nếu nói thấy bằng con mắt đó là si.”

Như vậy, kiến tánh là nhận ra cái chân thật là mình. Tự tâm trí nhận, gọi là tự khế hội, chứ không phải thấy bằng mắt. Tuy nhiên khi đang tu chúng ta chỉ thấy vọng tưởng mà không nhận ra chân tâm nên than: “Sao tôi tu mấy năm nay mà không thấy chân tâm, toàn là thấy vọng tưởng.” Phàn nàn như thế rồi tự thôi lui. Chân tâm đâu có thấy được, khi không có vọng tưởng ngay lúc đó là chân tâm hiện tiền. Nếu đòi thấy chân tâm, cũng như mình đòi thấy con mắt của mình. Đó là một lầm lẫn lớn. Khi không nhận ra được cái nào chân, cái nào vọng thì mình luôn băn khoăn thắc mắc. Băn khoăn thắc mắc mà không giải được, thì sanh ra lui sụt. Cho nên chúng ta phải nhận cho kỹ cái nào chân cái nào vọng.

Đã là mắt của mình thế nào lại thấy? Nếu biết chẳng mắt tức là thấy mắt.

Nếu biết chẳng mắt tức là thấy mắt câu này thật là chí lý. Con mắt của mình lúc nào cũng có. Bởi có cho nên mình nhìn thấy người, thấy cảnh; có cảnh thấy cảnh, không cảnh thấy không cảnh cho nên mình biết mình có con mắt. Biết như vậy tức là mình không mất con mắt.

Cũng vậy, biết mình có chân tâm bất sanh bất diệt, biết rõ như vậy, nhận chắc như vậy gọi là thấy tánh, tức là chân tánh không mất.

Lại không có cái tâm cầu thấy thì đâu có cái tướng chẳng thấy.

Mình không cầu thấy thì đâu có tướng không thấy. Tại vì cầu thấy cho nên cứ nghĩ: Tại sao cầu hoài mà không thấy, tìm mãi mà không ra. Bây giờ không cầu thấy tức là thấy rồi.

Cái tự kỷ hư tri cũng lại như vậy. Đã là tự tâm sao lại cầu hiểu? Nếu muốn cầu hiểu bèn hiểu chẳng được. Chỉ biết chẳng hiểu ấy là kiến tánh.

Cái mình có mà không thấy, cái đó là tánh của mình. Nhận được như vậy tức là kiến tánh. Cho nên có vị thiền khách tới hỏi thiền sư, ngài trả lời một câu. Thiền khách thưa: “Con không hiểu.” Ngài nói: “Không hiểu là tốt.” Nghe như thế tưởng đâu ngài nói đùa, sự thật cái không hiểu đó là tốt. Vì sao? Vì

chính đó là tánh. Chân tánh chính là mình nên mình không thấy được. Không thấy nên không hiểu mà chỉ thầm nhận thôi.

Chỉ biết chẳng hiểu ấy là kiến tánh. Chẳng phân biệt cái đó là tánh mình, biết được như vậy là kiến tánh. Đó là ngài giải thích cho chúng ta biết ngộ được tánh. Giải thích như thế này cũng đã tường tận lắm rồi.

Đến đoạn kể ngài giải thích thật là rõ ràng nên tôi nói bao nhiêu lông mày rụng hết không còn một sợi nào. Bây giờ nếu ai gặp hòa thượng Phổ Chiếu chắc chắn thấy ngài không còn lông mày.

Hỏi: Người thượng thượng căn nghe rồi liền dễ lãnh hội. Còn người trung hạ căn, đâu chẳng nghi hoặc? Xin nói phương tiện khiến người mê được vào.

Đáp: Đạo chẳng thuộc biết cùng chẳng biết.

Đây là hỏi cho người trung, hạ căn. Đoạn này thì người trung, hạ căn đều nhận được hết. Biết và chẳng biết thuộc hai bên mà đạo thì không thuộc hai bên.

Ông nên từ bỏ cái tâm đem mê đợi ngộ, mà nghe lời nói của ta: Các pháp đều như mộng, như huyễn hóa. Cho nên vọng niệm uồn tịch, trần cảnh vốn không.

Đem mê đợi ngộ là mong được ngộ đạo. Ngài dạy chúng ta phải từ bỏ cái tâm đem mê đợi ngộ, mà phải nghe lời ngài dạy: Trần cảnh tự tánh là không như mộng như huyễn, vọng niệm không thật, nó vốn lặng lẽ. Như vậy trần cảnh và vọng niệm đều không lặng.

Chỗ các pháp đều không, ấy là cái biết rỗng suốt chẳng mê, tức là cái tâm không lặng rỗng suốt này vậy.

Ngài nói trắng như ban ngày, không giấu giếm tí nào hết. Đôi cảnh mình không chấp, vọng tưởng lặng yên đó là cái “hư tri bất muội” của mỗi người. Không chạy theo cảnh, vọng tưởng lặng yên đó là cái tâm không lặng rỗng suốt này vậy.

Đây là bản lai diện mục của ông cũng là pháp ấn ba đời chư Phật, lịch đại tổ sư và các bậc thiện tri thức trong thiên hạ, thăm thăm truyền nhau.

Ngài chỉ quá rõ ràng không còn gì ngờ vực nữa. Những phút không theo trần cảnh, vọng niệm không khởi, ai không có “cái đó”. Đây là “Y” chứ còn gì nữa mà kiếm tìm. Đó là bản lai diện mục của ông, cũng là pháp ấn ba đời chư Phật, lịch đại tổ sư và các bậc thiện tri thức trong thiên hạ thăm thăm truyền nhau. Truyền là truyền “cái đó”. Như vậy ngài không còn giấu giếm gì hết, đã chỉ trắng ra rồi.

Nếu ngộ tâm này đúng như có chỗ nói: “Chẳng cần giẫm qua thứ lớp thẳng đến Phật địa, mỗi bước vượt qua ba cõi, về nhà thoát tuyệt các nghi, bèn vì trời người làm thầy. Bi trí nương nhau, đầy đủ hai lợi, kham nhận người trời cúng dường, ngày tiêu muôn lượng vàng ròng.”

Chỉ cần nhận được “cái đó” là không cần qua thứ lớp, đi thẳng đến Phật địa. Về nhà một cách nhanh chóng không còn nghi ngờ gì hết. Ngày tiêu muôn lượng vàng ròng cũng không có lỗi.

Nếu ông được như thế, thật là đại trượng phu, việc hay làm một đời đã xong.

Thật là ngài chỉ quá rõ, nên tôi nói ngài rụng hết lông mày không còn sợi nào. Qua đoạn này mà người trung căn, hạ căn không nhận ra thì tôi cũng chịu thua, không biết làm sao! Đoạn này vì hàng trung căn, hạ căn mà nói, nên ngài chỉ trắng ra, không còn giấu giếm. Như vậy quý vị thông chưa?

Hỏi: Căn cứ theo phần trên, thế nào là tâm không lạng rỗng suốt?

Đáp: Cái hiện nay ông hỏi ta, ấy là tâm không lạng rỗng suốt của ông. Sao không phản chiếu lại mà còn tìm bên ngoài.

Có người nêu câu hỏi thế nào là tâm không lạng rỗng suốt? Ngài trả lời cái mà ông biết hỏi ta, cái đó là tâm không lạng rỗng suốt của ông. Nhận ngay cái đó là được. Sao cứ tìm hỏi hoài?

Nay ta căn cứ vào phần trên của ông chỉ thẳng bản tâm, khiến ông được ngộ, ông nên tịnh tâm nghe ta nói: Trong mười hai giờ từ sáng tới chiều, hoặc thấy, nghe, cười, nói, giận, vui, phải, quấy v.v... Muôn ngàn vận chuyển thi vi. Hãy nói thấy đều là cái gì? Sao hay vận chuyển thi vi? Nếu nói sắc thân vận chuyển, có sao có người một phút mạng chung, thì thể chưa thối nát mà mắt không tự thấy, tai không nghe, mũi không phân biệt mùi, lưỡi chẳng đàm luận, thân chẳng lay động, tay chẳng nắm bắt, chân chẳng chạy nhảy?

Bây giờ ông không ngộ, ta chỉ thêm một lần nữa. Lần này là lần cuối cùng coi ông có ngộ hay không. Suốt ngày ông thấy, nghe, cười, nói, v.v... Tất cả những sinh động đó nếu không phải là tâm thì là cái gì? Sao người chết rồi không có những sinh động đó?

Thế nên biết, cái hay thấy nghe động tác nhất định là bản tâm ông, chứ chẳng phải sắc thân. Huống nữa, sắc thân tứ đại này tánh nó là Không, như ảnh trong gương, như trăng đáy nước. Đâu thể rõ ràng thường biết, sáng suốt chẳng mê hoặc, có cảm liên thông, đủ hằng sa diệu dụng?

Rõ ràng thân tứ đại không thật, đâu thể nói nó thường sáng suốt, thường hiểu biết. Thường sáng suốt, thường hiểu biết, có cảm liên thông, cái đó nhất định không phải sắc thân của ông rồi.

Cho nên nói: “Bữa củi gánh nước đều là thần thông diệu dụng.”

Nếu mình nhận ra được bản tâm thì cái nào cũng hiện thần thông diệu dụng. Còn không nhận được thì cái nào cũng là nghiệp hết.

Hơn nữa, nhập đạo có nhiều đường, ta chỉ ông một môn khiến ông trở lại nguồn.

Ngài chỉ môn nào? Kinh Thủ-lăng-nghiêm có câu “Phản văn văn tự tánh” là pháp môn tu của Bồ-tát Quán Thế Âm. Ngài chỉ cửa Viên thông mà từ trước tới giờ nghe trong Kinh nói không hiểu, bây giờ nghe rồi chắc chắn quý vị phải nhận ra.

Sự hỏi: - Ông nghe tiếng quạ kêu, chim hót không?

Đáp: - Nghe.

Hỏi: - Ông nghe lại tánh nghe của ông xem có nhiều tiếng không?

Đáp: - Đến chỗ này tất cả âm thanh, tất cả phân biệt đều không thể được.

Quý vị chú ý, khi nghe những tiếng động bên ngoài như tiếng còi xe, tiếng ầm ì của máy, tiếng gió gào, tiếng người kêu la vang đến tại mình. Bên ngoài có rất nhiều thứ tiếng, nhưng tánh nghe của mình chỉ có một và không có hình dáng gì cả. Như vậy người phàm nghe thì chạy theo tiếng, còn người tu khi nghe là trở về tánh nghe của mình. Trở về tánh nghe của mình thì thấy tánh nghe không hình tướng, mà hằng nghe, có tiếng cũng nghe, không tiếng cũng nghe, lúc nào cũng nghe hết. Cái đó là gì? Là tự tánh của chính mình chứ gì? Xoay lại nghe tự tánh mình là phản văn văn tự tánh. Nếu chạy theo tiếng vang bên ngoài rồi khởi phân biệt đó là vọng tâm. Còn nghe lại tự tánh, biết tự tánh mình không hình tướng mà nó thường nghe. Khi ngủ cũng nghe cho nên đánh keng chúng ta liền tỉnh dậy. Lúc nào cũng nghe, ngủ cũng nghe mà thức cũng nghe, có tiếng nghe tiếng, không tiếng nghe không tiếng. Như vậy tánh nghe thường hằng không hề vắng, đó là cửa Quan Âm.

Nói: Lạ thay! Lạ thay! Đây là cửa Quan Âm nhập lý vậy. Ta hỏi ông: Khi đến chỗ đó tất cả tiếng, tất cả phân biệt đều không thể được. Vậy đang lúc đó chẳng phải là hư không sao?

Đáp: - Nguyên lại chẳng không sáng suốt chẳng mê.

Đó là cửa Quan Âm. Các thiền sư không những chỉ cho người học đạo vào bằng cửa Quan Âm mà còn vào bằng cửa Văn-thù, hoặc là cửa Phổ Hiền.

Thí dụ bây giờ chúng ta nghe bao nhiêu tiếng động bên ngoài, rồi tìm lại cái nghe của mình coi có hình dáng gì không. Khi tìm lại thì thấy rõ ràng không có hình dáng mà lúc nào cũng nghe hết, thì nó đâu phải là hư không, nếu hư không thì đâu có biết nghe. Khi nghe chúng ta biết là tiếng nói của người, tiếng

động của vật, biết mà không khởi niệm, tiếng người nói gì, tiếng vật ra sao v.v... biết rõ ràng đó là âm thanh vang động. Mình biết hết những âm thanh đó, thì sẽ nhận ra tánh nghe thường hằng. Đó là bước vào cửa Quan Âm. Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phản văn văn tự tánh”, nghĩa là nghe lại tánh nghe của mình.

Bây giờ muốn vào cửa Văn-thù phải làm sao?

Cửa Văn-thù là cửa mắt. Mắt nhìn thấy nhà cửa, người vật, nhưng tánh thấy thì không có nhiều thứ. Nếu không suy nghĩ phân biệt thì tánh thấy cũng như cái gương soi, có cảnh thấy cảnh, không cảnh thấy không cảnh. Cho tới nhắm mắt lại thấy tối mò, cũng vẫn có cái thấy. Ngủ nhắm mắt mà người đi ngang qua cũng biết. Cái thấy luôn luôn có mặt, nhắm mắt cũng thấy, mở mắt cũng thấy. Vào cửa đó gọi là cửa Văn-thù.

Muốn vào cửa Quan Âm cũng được, muốn vào cửa Văn-thù cũng được. Cửa nào cũng là cửa để mình vào đạo. Vào một cửa là vào đạo được rồi. Cho nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm có nói: “Sáu căn là cội gốc sanh tử, sáu căn cũng là cội gốc Bồ-đề Niết-bàn.” Sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà nghe tiếng, thấy sắc khởi niệm phân biệt v.v... thì đó là cội gốc của sanh tử. Còn sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà sống được với cái thể chân thật là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn. Nguồn gốc của sự tu hành là chỗ đó. Cho nên nói rằng: “Sai chi hào ly, thiên địa huyền cách,” nếu mình sai một chút thì đất trời xa cách. Cho nên phải khéo nhận được cái đó, dù vào cửa Quan Âm hay cửa Văn-thù cũng vẫn được như thường. Hoặc là cửa Phổ Hiền, cửa Phổ Hiền là cửa của ý

Hỏi: Cái thể chẳng không ấy thế nào?

Đáp: Cũng không tướng mạo, nói không thể đến. Thể của cái nghe không tướng mạo, không diễn tả được bởi vì đâu có tướng mạo mà diễn tả.

Nói: Đây là thọ mạng của chư Phật, chư tổ, ông chớ hồ nghi. Đã không tướng mạo nào có lớn nhỏ; không lớn nhỏ nào có bờ mé; không có bờ mé nên không trong ngoài; không trong ngoài nên không gần xa; không gần xa nên không kia đây; không kia đây nên không đến đi; không đến đi nên không sanh tử; không sanh tử nên không xưa nay; không xưa nay nên không mê ngộ; không mê ngộ nên không phàm thánh; không phàm thánh nên không nhiễm tịnh; không nhiễm tịnh nên không phải quấy; không phải quấy nên tất cả danh ngôn đều không thật có. Cả thấy đều không như vậy thì tất cả căn cảnh, tất cả vọng niệm, cho đến muôn ngàn tướng mạo, muôn ngàn danh ngôn đều không thật có. Đây há không phải là cái không tịch xưa nay, cái không vật xưa nay sao?

Đây xác nhận rõ ràng, thể chân thật là thọ mạng của chư Phật, chư tổ, ông đừng có hồ nghi. Đó là cái không tịch, là cái không vật xưa nay. Vì vậy mà Lục tổ nói “bản lại vô nhất vật”.

Tuy nhiên, chỗ đều không của các pháp biết suốt chẳng mê, chẳng đồng với tánh vô tình.

Chân tâm luôn luôn biết chứ không phải vô tình.

Tự hiểu một cách mâu nhiệm rằng, đây là cái tâm thể không tịch, hư tri, thanh tịnh của ông. Tâm không tịch này là cái Thắng tịnh minh tâm của ba đời chư Phật, cũng là cái Giác tánh bản nguyên của chúng sanh. Ngộ nó và giữ nó thì ngồi trên tòa giải thoát nhất như chẳng động. Mê nó và trái nó thì trường kiếp luân hồi trong sáu thú.

Đơn giản làm sao, gần gũi làm sao! Nhận được nó thì không phân biệt, không loạn tưởng nên nói “ngồi trên tòa giải thoát nhất như”, “mê thì luân hồi trong sáu thú”. Thành ra nguồn gốc mê ngộ thật là gần, bên cạnh nhau chứ không có gì hết. Vậy mà hồi đó tới giờ chúng ta bỏ quên chạy lẫn lộn trong sáu đường.

Cho nên nói: “Mê nhất tâm đến sáu thú, ấy là đi, là động. Ngộ pháp giới trở về nhất tâm, ấy là đến, là tĩnh.” Tuy mê ngộ có sai khác, nhưng bản nguyên thì chỉ có một. Cho nên nói: “Pháp ấy là tâm của chúng sinh, cái tâm không tịch này nơi thánh không tăng nơi phàm không giảm.”

Xưa nay cũng như vậy. Nơi thánh cũng không thêm, nơi phàm cũng không bớt.

Nên nói: “Nơi thánh trí chẳng sáng, ẩn phàm tâm chẳng mê.” Đã không tăng nơi thánh chẳng giảm nơi phàm, Phật tổ sao lại khác hơn người? Sở dĩ khác hơn người, ấy là hay tự giữ tâm niệm vậy.

Sự khác nhau giữa thánh và phàm là biết bảo nhậm hay không biết bảo nhậm chân tâm mà thôi.

Ông nếu tin được thì nghi tình liền dứt, phát chí trượng phu, khởi kiến giải chân chánh. Thân nếm cái mùi vị kia, tự đến tự chấp nhận cái địa vị kia. Đây là chỗ người tu tâm giải ngộ.

Người mà tin được thì nếm được mùi vị đạo. Tự chấp nhận cái địa vị sẵn có của chính mình, nếu ông không nhận thì chịu thôi, không còn cách nào khác. Nhận được cái đó gọi là giải ngộ.

Lại không có thứ đệ và cấp bậc. Cho nên gọi là đốn. Như nói: “Trong tin nhân đã khéo hợp với quả đức của chư Phật không sai một mảy, mới thành tín vậy.”

Nhận ngay cái đó thì thể đồng với chư Phật, vì ở nơi chư Phật không tăng, phàm tình không giảm. Phật nhận được cái đó, mình nhận được cái đó thì cũng như nhau vậy. Cho nên gọi là đồng với chư Phật. Nghe vậy, nhiều người thắc

mắc mới tu mà sao đồng với chư Phật? Đồng là đồng chỗ đó. Tin được như vậy mới thật là tin chân chánh.

Hỏi: Đã ngộ lý này lại không giai cấp. Có sao lại nhờ vào sự huân tu lần lần mới thành?

Đáp: Cái nghĩa ngộ rồi lần lần tu, trước đã nói đầy đủ, mà cái tình nghi chưa gỡ, nay chẳng ngại nói lại. Ông nên lắng tâm nghe rõ: Kẻ phàm phu từ vô thủy khoáng kiếp cho đến ngày hôm nay, trôi lăn trong năm đường sanh tử qua lại. Chấp cứng tướng ngã cùng vọng tưởng điên đảo. Hạt giống vô minh tập lâu thành tánh. Tuy đến nay đón ngộ tự tánh xưa nay không lặn cùng Phật không khác, nhưng cái cựu tập này rất khó dứt trừ. Cho nên gặp cảnh thuận nghịch có giận có vui, chuyện thị phi lừng lẫy khởi diệt.

Đây nêu lên câu hỏi: Biết không giai cấp tại sao huân tu làm chi? Tập khí lâu đời lâu kiếp rất khó trừ, nghĩa là tuy đã đón ngộ, tự tánh không lặn cùng Phật không khác, mà lâu lâu gặp cảnh nghịch thì cũng nổi giận, gặp cảnh thuận thì cũng vui. Cho nên ở trước ngài nói: Chúng ta đừng có nhận đầu làm đuôi, nhận gốc làm ngọn rồi đâm ra khinh mạn mà mang tội. Ví dụ có người tu đã nhận ra chân tâm chắc chắn, nhưng lâu lâu có chuyện thuận nghịch đến, thấy họ nổi giận một chút, liền bình phẩm: “Vị đó tu đã lâu nhận ra chân tâm rồi mà còn giận tức. Vậy là chưa tu gì hết”, rồi khinh mạn thì mang tội. Bởi vì đó là do tập khí nhiều đời, nhận ra được chân tâm nhưng mà tập khí chưa sạch. Vì chưa sạch nên lâu lâu nó cũng còn dấy lên. Tôi không bi quan về chỗ đó, nghĩa là tuy nhận ra chân tâm mà những cái dơ lâu lâu vẫn còn dấy lên. Đó là vì gọi rửa chưa sạch, mới năm, ba tháng hoặc một, hai năm làm sao rửa sạch hết.

Phải từ từ huân tu nhiều năm tháng mới được. Người không hiểu một phen thấy cái dơ của người liền chê trách rồi sanh lòng khinh mạn đó là họ chịu tổn đức. Chúng ta phải biết rõ, bởi vì tập khí theo vọng tưởng điên đảo từ vô lượng kiếp đến giờ, chứ có phải là một ngày, hai ngày đâu mà gỡ bỏ mau? Bây giờ bỏ là chuyện hết sức đáng cay. Tuy biết như vậy nhưng bỏ thật là chậm, cho nên quý vị đừng có bi quan. Trong khi tu biết đó là tập khí vi tế lâu lâu có nổi giận thì nhớ lại tại tập khí lâu đời mình chưa hết. Biết đó là tập khí vi tế còn ẩn bên trong chúng ta không nên bi quan. Nhiều người lâu lâu nhìn lại thấy mình còn một hai cái dơ thì chán nản, cho rằng tu mà sao chưa dứt hết những cái dơ.

Đừng tưởng nhận ra là xong chuyện, đâu có giản dị như vậy. Phải dày công phu lắm chứ không phải chuyện dễ. Cho nên các thiền sư khi nhận được đạo lý rồi, lên núi tu ba bốn chục năm. Mình nói sao các ngài ích kỷ quá. Tại vì tập khí nhiều đời nhiều kiếp, bây giờ muốn cho nó sạch thì phải dụng công nhiều ngày, dẹp cho nó sạch rồi mới buông thông tay vào chợ làm gì cũng được. Còn

chưa xong việc mà cứ lãnh thêm việc, thì cái này gỡ chưa xong, cái nọ dồn tới thật là khổ. Tu phải trừ cái nghiệp cũ của mình, nghiệp cũ lau chùi lâu ngày nó sạch, đừng gây nghiệp mới nữa. Tới chừng nghiệp cũ sạch rồi thì lúc đó tự tại làm Phật sự lợi ích cho chúng sanh.

Khách trần phiền não cùng trước không khác. Nếu chẳng dùng sức mạnh của trí Bát-nhã, thì làm sao đối trị vô minh đến được chỗ thôi hết dứt hết? Như nói: “Đốn ngộ tuy đồng Phật, nhiều đời tập khí sâu. Gió dừng sóng còn dậy, lý hiện niệm còn xâm.”

Lý thì hiện mà niệm cứ xâm chiếm mình hoài, tham sân si cũng còn đây động chứ nó không yên. Chúng ta nhìn ra ngoài biển mới thấy rõ gió thổi, sóng âm âm nổi lên, sau đó gió êm mà sóng cứ nhồi tới nhồi lui chưa hết, đâu phải gió dừng là sóng lặng. Tu cũng vậy, phải chịu cực huân tu một thời gian mới đủ sức mạnh dẹp sạch tập khí.

Thiền sư Cảo nói: Những kẻ lợi căn thường thường chẳng tốn nhiều sức để phát minh việc này, bèn sanh tâm dễ duôi.

Thiền sư Cảo tức là ngài Đại Huệ Tông Cảo. Ngài nói những người lợi căn nghe hiểu rồi không chịu dụng công nhiều để chùi lau cho sạch rồi sanh dễ duôi.

Lại chẳng chịu tu trì, lâu ngày chầy tháng vẫn y như trước trôi nổi, chưa thoát khỏi luân hồi.

Tuy ngộ mà cũng chưa ra khỏi luân hồi, là vì dễ duôi không chịu dẹp bỏ tập khí, mà còn bào chữa tôi ngộ rồi lo gì. Ngộ rồi mà tập khí y nguyên thì nó cứ dẫn mình đi luân hồi như thường, cho nên phải lau chùi gấp.

Lại há có thể một phen ngộ bèn bác chỗ hậu tu ư? Nên sau khi ngộ phải lâu ngày chiếu xét. Vọng niệm chợt khởi đều chẳng theo nó, lại trừ cho đến không còn trừ mới đến cứu cánh. Bậc thiện tri thức trong thiên hạ, sau khi ngộ rồi còn phải hành hạnh chẵn trâu là thế.

Tuy có hậu tu nhưng trước đã đốn ngộ vọng niệm vốn không, tâm tánh vốn tịnh. Nơi việc ác đoạn mà không đoạn, nơi việc thiện tu mà không tu. Đây mới thật là chân tu chân đoạn. Cho nên nói rằng: “Tuy tu đủ muôn hạnh nhưng chỉ lấy vô niệm làm tông.”

Bậc thiện tri thức tuy ngộ mà vẫn còn phải chẵn trâu, chứ không phải ngộ rồi là xong việc. Tuy có hậu tu như vậy, nhưng mà trước đã đốn ngộ. Đốn ngộ thì thấy vọng niệm vốn là không, tâm tánh vốn tịnh, đó là chỗ rất đặc biệt. Tại sao nơi việc ác đoạn mà không đoạn, nơi việc thiện tu mà không tu? Nghĩa là khi nhận được, thấy vọng niệm vốn không, tâm tánh vốn tịnh, việc ác gốc từ vọng niệm mà sanh, biết vọng niệm vốn là không, thì niệm ác khởi mình không

theo chứ không có cái gì gọi là đoạn hết. Không theo nó tức là đoạn, đoạn mà không dụng tâm đoạn, vì đâu thấy nó thật mà phải đoạn. Làm tất cả việc thiện mà thấy việc thiện cũng không thật, cho nên nói tu mà không tu là vậy. Như vậy mới thật là chân tu, còn nếu dụng công đoạn thì không đúng. Tuy nhiên tu đủ muôn hạnh nhưng tâm yên lặng thanh tịnh, đó là cái gốc, không nên mê chấp.

Ngài Khuê Phong nhận xét nghĩa tiên ngộ hậu tu như sau: “Đốn ngộ tánh này nguyên không phiền não, vô lậu trí tánh vốn tự đầy đủ cùng Phật không khác. Y đây tu tập gọi là Tối thượng thừa thiền, cũng gọi là Như Lai thanh tịnh thiền. Nếu hay mỗi niệm tu tập, tự nhiên lần lần được muôn ngàn tam-muội. Môn hạ ngài Đạt-ma lần lượt truyền nhau là thiền này.”

Thiền của tổ Đạt-ma là thiền mà trước giờ tôi nói. Như vậy Như Lai thanh tịnh thiền có hình tướng gì? Ở đây nói là vô niệm, là thanh tịnh chứ không diễn tả hình tướng. Khi nghe ai nói Như Lai thanh tịnh thiền mà có hình tướng thì biết đó là sai. Tôi nhắc lại một lần nữa, có người ngồi thiền niệm Phật, thấy hào quang sáng lên. Họ hỏi vị Sư, vị Sư trả lời: Ánh sáng đó là do Phật tánh hiện. Khi trả lời như vậy thì biết vị sư này chưa nhận ra Phật tánh, mà còn làm cho người nghe hiểu lầm. Cho nên phải thật cẩn thận. Hiểu rồi mới biết giản trạch đâu là tà đâu là chánh. Còn không hiểu thì nghe ai nói cũng tin, nhiều khi người nói không hiểu, chúng ta tin theo tức nhiên họ làm rồi mình cũng làm luôn.

Lại, nghĩa đốn ngộ tiệm tu như xe có hai bánh, thiếu một không thể được. Hoặc có người chẳng biết thiện ác tánh không, vưng ngồi chẳng động, đè nén thân tâm, như đá đè cỏ cho là tu tâm, đây là làm to.

Không biết thiện ác tánh nó là không, mà cứ ngồi thật ngay thẳng đè nén tâm, dần ép nó xuống không cho dấy lên. Tu tâm như vậy là làm to. Nhiều người không biết nói tu thiền như lấy đá đè cỏ, nghĩa là hết đề thì nó cũng nổi dậy, chứ đâu ngờ chính tu thiền biết tâm vọng tưởng là không, ngoại cảnh là hoa đốm không thật, có gốc đâu mà khởi lên. Vọng tưởng không thật cho nên mình không theo, tự nó hết tận gốc tận rễ chứ đâu phải đè.

Ví dụ có một số người tu thiền, đọc trong sách Phật nói đừng cho vọng tưởng khởi là tốt, họ không biết cứ ngồi đè hoài, vọng tưởng đè một chút, vọng tưởng đè một chút, đè hoài để lần lần hết vọng tưởng. Nhưng họ không nhận ra tánh thiện ác là không, sáu trần là huyễn hóa, không nhận ra bản tâm hư tịch. Cho nên họ cố sức đè, rồi buông ra vọng tưởng cũng nổi dậy, bởi vì họ không biết cách trừ tận gốc. Chỗ này là chỗ thật quan trọng.

Những người học đạo không thông nhưng ham tu thiền nên họ ngồi tu, trụ tâm chỗ nào đó để được định, để có thần thông và chờ ngộ, mà chờ biết chừng

nào ngộ. Nhiều khi thấy tướng lạ hiện ra họ cho đó là ngộ, rồi xưng mình là Phật là thánh, mà không biết ngộ là ngộ ngay bản tâm, còn thấy tướng lạ tướng mình là thần thánh, đó là sai lầm. Bây giờ đại đa số người tu thiền bị mắc kẹt trong đó. Nhân chỗ này người ngoài phê bình: “Ông tu thiền năm năm, mười năm, ngộ rồi mà bây giờ bị rớt”, đó là tại không biết được cái gốc. Tu là phải đạt được bản tâm, thấy rõ vọng niệm, ngoại cảnh là giả dối, đó là gốc của sự tu. Không biết cái gốc này dụng công bao nhiêu đi nữa, một ngày nào đó cũng thối thất như thường.

Nên nói: “Thanh văn tâm tâm đoạn hoặc, tâm ngãn đoạn là giác.”

Hàng Thanh văn ngồi tu đoạn hoặc, nghĩa là thấy vọng niệm dấy lên thì đoạn nhưng còn cái năng đoạn, nếu cho cái năng đoạn là thật thì cũng là bệnh cho nên cái năng đoạn đó biến thành giác. Còn ở đây tuy mình cũng biết vọng, nhưng biết vọng rồi buông cho nên nó không thành giác, khéo một chút thì nó vượt ra ngoài.

Chỉ quán sát một cách đúng đắn rằng: Sát, đạo, tâm, vọng từ tánh mà khởi, khởi tức chẳng khởi, ngay nơi đó liền lặng, cần gì phải đoạn? Cho nên nói: “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm.” Lại nói: “Niệm khởi liền giác, giác nó liền không.”

Sát, đạo, tâm... đều từ tánh mà dấy lên, nó không thật cho nên nói khởi mà không khởi. Vì sao? Vì biết nó không thật, biết nó không thật nó liền lặng xuống. Lặng xuống thì hết chữ cần gì phải đoạn. Nếu thấy có hoặc để đoạn tức là thấy có hai là còn mắc kẹt. Cho nên nói không sợ niệm khởi, một ngày niệm khởi một triệu lần cũng được, nhưng mà niệm khởi liền biết, khởi liền biết, chỉ vậy thôi. Nghĩa là chỉ sợ mình không giác, niệm khởi lên mình chạy theo, kết bẻ kết đảng với nó thì đó là lỗi. Chữ nếu nó khởi lên mình liền biết, biết liền hết thì nó khởi một trăm lần mình cũng không sợ.

Nên người ngộ tuy có khách trần phiền não nhưng đều thành đề hồ.

Người ngộ rồi tuy cũng có khách trần phiền não nhưng vọng niệm dấy lên mình liền biết, nó liền hết. Lúc vọng niệm khởi lên là phiền não, lúc hết là đề hồ, tức là Bồ-đề chứ có gì đâu. Bồ-đề với phiền não gần bên vậy. Quý vị xét kỹ coi nếu mình ngồi tu hai tiếng hoặc một tiếng đồng hồ, thì bao nhiêu giờ của phiền não, bao nhiêu giờ của Bồ-đề, cái nào nhiều cái nào ít? Bồ-đề nhiều phải không? Như vậy là tiến bộ rồi. Vì từ trước đến giờ mình chỉ thấy vọng tướng mà không nhận ra chân tâm nên không thấy có Bồ-đề, rồi nói sao ngồi cứ thấy vọng tướng hoài. Tại vì lúc không vọng tướng là Bồ-đề mà không biết, chỉ biết lúc vọng tướng thôi đó là làm lẫn.

Chỉ nên soi thấy các hoặc nguyên không có gốc. Ba cõi không hoa này như gió cuốn khói. Sáu trần huyễn hóa này như nước nóng tan băng.

Biết các hoặc tức là các phiền não không có gốc rễ, tánh nó là không, biết chắc như vậy. Biết rõ ba cõi như hoa đốm giữa hư không, hay như gió cuốn khói, sáu trần như nước nóng băng tan, nó không thật đó là người có trí tuệ.

Nếu hay mỗi niệm tu tập như thế, chẳng quên chiếu cố định tuệ đồng tu thì thương ghét tự nhiên lạnh nhạt, bi trí tự nhiên thêm tỏ, tội nghiệp tự nhiên đoạn trừ, công hạnh tự nhiên tăng tiến. Khi phiền não tận thì sanh tử liền dứt. Nếu dòng phiền não nhỏ nhiệm vĩnh viễn đoạn trừ, thì còn lại Viên giác đại trí sáng suốt, liền hiện ngàn trăm ức hóa thân trong mười phương cõi nước. Tùy cơ cảm ứng giống như trăng hiện trong không, ảnh phân muôn nước. Ứng hiện không cùng, độ chúng sanh có duyên khoái lạc vô ưu, gọi là Đại giác Thế Tôn.

Tu tới đây thật là thông thả tự tại. Hiện giờ chịu cực, giác chiếu thấy vọng tưởng không theo, không để nó lôi mình đi thì tự nhiên quý vị sẽ được cái diệu dụng tốt.

Hỏi: Trong pháp môn hậu tu có nghĩa định tuệ đồng tu. Tôi thật chưa rõ, lại xin tuyên giải khiến mở mê để dẫn vào cửa giải thoát.

Đáp: Nếu lập pháp nghĩa để vào lý, thì ngàn pháp môn, không pháp môn nào chẳng định tuệ. Nắm được cương yếu của nó thì trên tự tánh thể dụng có hai nghĩa, trước đã nói không tịch hư tri ấy vậy. Định là thể, tuệ là dụng. Ngay nơi thể là dụng, nên tuệ chẳng lìa định. Ngay nơi dụng là thể, nên định chẳng lìa tuệ. Định tức tuệ nên tịch mà thường tri. Tuệ tức định nên tri mà thường tịch.

Sau đây giải thích nghĩa “định tuệ đồng tu”. Bao nhiêu pháp môn Phật dạy chúng ta tu đều có định tuệ; có định thì có tuệ, có tuệ thì có định. Hai cái quân bình mới có thể vào được cửa Phật. Không tịch là thể, hư tri là dụng. Không tịch là định, hư tri là tuệ, rõ ràng như vậy. Ngay nơi cái không tịch có cái biết rỗng rang, ngay cái biết rỗng rang có cái thể không tịch, hai cái không rời nhau. Chủ trương của Thiền tông là định tuệ không rời nhau, nghĩa là có định tức có tuệ, có tuệ tức có định. Nó khác hơn chủ trương của thiền Nguyên thủy, trước tu định sau mới phát tuệ. Ở đây thì định tức tuệ, tuệ tức định, định tuệ không rời nhau. Vì định tức tuệ cho nên tuy lặng lẽ nhưng thường biết, chứ chẳng phải lặng lẽ mà không biết gì. Định là lặng lẽ, tuệ là thường biết rõ ràng. Luôn luôn biết mà lặng lẽ đó là tuệ tức định, hai cái không rời nhau.

Như Tào Khê nói: “Đất tâm không loạn là tự tánh định, đất tâm không si là tự tánh tuệ.”

Đất tâm không loạn là tự tánh định. Nghĩa là nhận ra bản tâm, thể nó rỗng rang lặng lẽ đó là tự tánh định. Đất tâm không si là tự tánh tuệ. Nghĩa là chỗ rỗng rang lặng lẽ mà thường biết rõ ràng gọi là tự tánh tuệ.

Nếu ngộ được như thế thì mặc tình tịch mà tri, chiếu soi hay che đây không hai. Đây là cửa đón và là định tuệ song tu vậy.

Khi ngộ rồi thì thấy định và tuệ không rời nhau. Nhận như vậy là đón tu. Khi chúng ta nhận ra được chân tâm lặng lẽ, mà thường chiếu soi nơi sáu căn của mình gọi là kiến tánh. Nhận được như vậy mà tu thì tịch mà tri, tri mà tịch thì gọi là *định tuệ không hai của đón môn*, hay là định tuệ song tu.

Nếu nói trước dùng lặng lẽ để trị duyên lự, sau lấy tỉnh táo để trị hôn trầm, trước sau đối trị điều phục hôn loạn để nhập vào chỗ tĩnh. Đây là cửa tiệm, là chỗ sở hành của người căn cơ kém.

Tại sao gọi là tiệm? Đây là chỉ cho người không nhận được bản tâm, nghe nói lặng lẽ để trị duyên lự nên ngồi yên tĩnh, khi nào duyên lự dậy lên thì phải lặng lẽ trị nó. Khi nào hôn trầm thì lấy tỉnh táo trị. Tuy tu như vậy nhưng không nhận ra chân tâm thường tịch thường chiếu, nên chỉ kìm cho nó ở trong trạng thái tỉnh táo yên lặng thôi. Nghĩa là nếu tâm loạn thì trị cho yên, còn hôn trầm thì làm cho tỉnh. Như vậy đối qua trị lại để cho tâm được thanh tịnh, yên lặng thì gọi là *nhập vào chỗ tĩnh*. Nếu áp dụng như vậy là cửa tiệm, là chỗ sở hành của người căn cơ kém, bởi vì họ không nhận được Phật tánh cho nên cứ nghe và hiểu như vậy mà thực hành thôi.

Tuy nói tỉnh táo và lặng lẽ gồm giữ nhưng chưa khỏi giữ tịnh làm pháp hạnh. Đâu như người liễu sự chẳng lìa bản tịch, bản tri nhậm vận song tu.

Vì giữ tỉnh táo và yên lặng làm gốc nên kém hơn người đã liễu sự. Liễu sự là nhận ra được bản tâm rồi, nhưng họ không lìa bản tịch và bản tri. Nghĩa là lặng lẽ mà thường biết, đó là nhậm vận song tu là tu cả hai pháp.

Cho nên Tào Khê nói: “Tự ngộ mà tu hành chứ chẳng phải ở nơi chỗ tĩnh. Nếu mắc nơi tĩnh trước sau là người mê.”

Chúng ta nhận ra chân tâm mà tu thì không mắc kẹt. Nếu không nhận ra mà tu thì lúc tâm yên lặng không biết đó là cái gì, rồi cũng ngờ vực. Vì vậy cùng dạy tu mà Lục Tổ dạy khác, Thần Tú dạy khác. Lục Tổ dạy nhận ra chân tâm rỗng lặng thường biết và hãy sống như vậy. Thần Tú chưa ngộ nên dạy tĩnh tĩnh để trị hôn trầm, lặng lặng để trừ duyên lự. Vì chưa ngộ thì chưa nhận được Phật tánh, cứ tịnh tâm và trừ duyên lự nhưng rốt cuộc tâm yên lặng mà không biết đó là thế nào. Cứ bảo yên tĩnh là tốt, đó gọi là quán tịnh.

Đó là sự khác nhau giữa tiệm và đón. Đón là khi nhận được chân tâm rồi thì biết nó luôn luôn rỗng rang mà thường biết. Rỗng rang là cái thể, thường biết là cái dụng. Rỗng rang là định, thường biết là tuệ. Người nhận ra chân tâm thì an lành tự tại. Còn bên tiệm người chưa nhận được chân tâm nên cũng dạy tu mà rốt cuộc mắc kẹt vào tịnh. Đón và tiệm mới nghe nói gần nhau lắm mà

rốt cuộc không giống. Như bây giờ có nhiều người nói cách tu của họ cũng giống mình, nhưng rốt cuộc họ khác mình.

Người liễu đạt đối với nghĩa định tuệ đồng tu, không rơi vào dụng công, nguyên tự nó vô vi, lại không một thời tiết đặc biệt nào.

Người liễu đạt thì không rơi vào dụng công, nghĩa là niệm dấy lên biết vọng là không thật thì nó hết, rồi buông luôn cái biết vọng, thành ra coi như không dụng công gì cả. Còn người không biết, cứ chăm chăm và dùng nhiều công phu đè nén.

Khi thấy sắc, nghe tiếng chỉ có vậy. Khi mặc áo ăn cơm chỉ có vậy.

Người liễu đạt lúc nào cũng ở trong cái như như bất động, những sinh hoạt hằng ngày như khi thấy sắc, nghe tiếng, mặc áo ăn cơm, lúc nào cũng ở trong cái thanh tịnh đó thôi.

Khi đại tiện tiểu tiện chỉ có vậy. Khi bàn chuyện với người chỉ có vậy. Cho đến đi đứng nằm ngồi, hoặc nói nín, hoặc vui, hoặc giận, trong tất cả thời mỗi mỗi đều như thế. Giống như chiếc xuồng rồng nương theo sóng mặc tình lên xuống.

Người liễu đạt thì trong bốn oai nghi, trong tất cả thời tâm rồng rang thanh tịnh không bị cảnh làm ngại. Giống như chiếc xuồng không, mặc tình nương sóng nước mà trôi lên trôi xuống, vì nó rồng rang nên không bị chìm. Nếu thuyền đầy thì nó sẽ chìm.

Như dòng nước chảy trong núi, gặp lúc cong, gặp lúc thẳng mà tâm tâm vô tri. Ngày nay bay nhảy mặc tình, ngày mai mặc tình bay nhảy. Tùy thuận các duyên không chướng ngại. Nơi thiện ác chẳng đoan chẳng tu. Chết trực không dối, thấy nghe tâm thường. Lại không một mảy bụi để đối đãi, nhọc gì ra sức chùi rửa? Không một niệm để sanh tình, chẳng nhờ mượn sức quên duyên.

Người tu khi biết tâm không hình tướng, có gì phải dính mắc? Vọng duyên không thật có gì phải bỏ? Chỉ cần biết nó không thật là đủ rồi, không cần mượn sức quên duyên. Tâm không hình tướng rồng rang không có gì dính mắc nên không cần phải ra sức chùi rửa. Người ngộ các pháp không hai nên không dùng pháp đối trị.

Còn người mê chưa ngộ thì thấy các pháp có hai. Thấy các pháp có hai nên dùng chân để trị vọng. Thấy có thật chân thật vọng nên lấy đối đãi mà trị. Lấy đối đãi trị là tiệm. Còn người đốn ngộ biết các pháp không hai nên không kẹt vào đối đãi. Ngay nơi vọng tức là chân còn trị cái gì? Cho nên không có dụng công.

Tuy nhiên người nghiệp chương sâu, tập khí nặng, tuệ quán kém, tâm trôi nổi nhiều, sức vô minh lớn, sức Bát-nhã nhỏ. Nơi cảnh giới thiện ác chưa khỏi bị động tĩnh thay đổi. Tâm không lạnh nhạt, chẳng thể không quên duyên nên phải công phu lau chùi.

Còn người nghiệp chương sâu, tập khí nặng, tuệ quán kém... thì thấy cảnh thiện ác tâm liền dao động. Thiện với ác hai cảnh đối đãi liền có động tĩnh đổi thay, nên đối với cảnh rất còn thân thiết tâm chưa có lạnh nhạt. Hạng người như vậy thì phải ráng quên duyên và ra sức lau chùi.

Như nói: “Sáu căn nhiếp cảnh, tâm chẳng theo duyên gọi đó là định. Tâm cảnh đều không, soi xét không lầm gọi đó là tuệ.” Đây là môn tùy tướng định tuệ, là pháp tiệm môn, là chỗ sở hành của người căn cơ kém.

Khi đối duyên xúc cảnh không duyên theo là định, lại quán rõ ràng tâm cảnh đều không thì gọi là tuệ. Pháp môn tùy tướng định tuệ thuộc về tiệm, vì khi đối cảnh nhiếp tâm không cho nó chạy theo cảnh thì lúc đó gọi là định. Rồi dùng tâm quán chiếu cảnh không thật thì gọi là tuệ. Pháp môn tu đó gọi là định tuệ đồng tu của môn tùy tướng định tuệ.

Trong pháp môn đối trị không thể không. Nếu trạo cử lấy lòng thì trước dùng định môn, xứng hợp với lý mà nhiếp tâm tán loạn, chẳng theo duyên khế hợp với bản tịch.

Tuy nhiên, pháp môn đối trị thì khi vọng niệm dấy lên quá nhiều, phải nhìn kỹ biết nó không thật, không có tự tánh cố định. Quán chiếu một lúc vọng tưởng liền lặng xuống. Tâm trở về trạng thái lặng lẽ cho nên nói hợp với bản tịch.

Nếu hôn trầm quá nhiều thì dùng tuệ môn trạch pháp quán không, soi xét không lầm để khế hợp với bản tri.

Còn khi hôn trầm mê mê, mờ mịt thì quán các pháp tự tánh là không, trong cũng không, ngoài cũng không, quán tới quán lui tâm tỉnh sáng hết mờ mịt cho nên nói *hợp với bản tri*. Tôi thường nhắc quý vị khi buồn ngủ quá phải quán, đó là phương pháp đối trị. Nếu bệnh nặng dùng pháp nhẹ trị không nổi thì phải dùng pháp mạnh trị nó mới được.

Lấy định trị loạn tướng, lấy tuệ trị vô ký. Động tĩnh đều hết công phu đối trị cũng xong. Thế thì đối cảnh mà mỗi niệm về nguồn, gặp duyên mà tâm tâm khế hợp với đạo, nhậm vận song tu mới là người vô sự. Nếu như thế mới có thể gọi thật là “định tuệ đồng tu”, thấy rõ Phật tánh ấy vậy.

Đây là nói người trạo cử nặng, hôn trầm nặng, vô ký nặng phải dùng pháp định tuệ để đối trị.

Trạo cử nặng thì phải nhìn thẳng vào vọng tưởng, chăm chăm nhìn thấy tánh nó là không, vọng tưởng lặn trở về với bản tịch. Còn nếu hôn trầm nặng quá thì phải soi rõ nội tâm ngoại cảnh đều không, quán một hồi cho hết cái buồn ngủ, như vậy sẽ trở về bản tri. Ứng dụng tu như vậy là song tu cả định và tuệ.

Hỏi: Căn cứ chỗ phân tích của ngài, pháp môn trước ngộ sau tu, trong nghĩa định tuệ đồng tu có hai loại: Một là tự tánh định tuệ, hai là tùy tướng định tuệ. Tự tánh định tuệ thì nói rằng mặc tình lặn biết, nguyên tự nó là vô vi, không một mảy trần để so sánh đối đãi. Nhọc gì ra sức chùi rửa. Không một niệm để sanh tình, không nhờ ra sức quên duyên. Ngài phân đó là môn đốn, chẳng lìa tự tánh định tuệ đồng tu.

Tùy tướng định tuệ thì nói rằng xứng hợp với lý, nhiếp tán loạn chọn pháp quán không. Quân bình điều phục hôn trầm và tán loạn để nhập vào vô vi. Ngài phân đó là tiệm môn, là chỗ hành của hàng căn cơ kém. Do đó nên đối với hai môn định tuệ này có chỗ nghi

Nếu nói chỗ hành của một người là trước y nơi môn tự tánh định tuệ đồng tu, rồi sau đó là dùng môn tùy tướng công phu đối trị chẳng? Hay là trước lại y nơi môn tùy tướng, quân bình điều phục hôn loạn, rồi sau mới nhập vào môn tự tánh? Nếu trước y nơi tự tánh định tuệ thì mặc tình lặn biết, lại không cần công phu đối trị, sao lại phải giữ môn tùy tướng định tuệ? Như đem ngọc sáng chạm khắc làm mất giá trị của nó.

Nếu trước dùng môn tùy tướng định tuệ đối trị thành công, rồi sau mới hướng về môn tự tánh thì giống y như trong môn tiệm, hạng căn cơ kém, trước ngộ sau lần lượt huân. Sao gọi rằng đốn? Cái ngộ trước tu sau là dùng công phu vô công phu. Nếu một lúc không trước sau thì hai môn định tuệ đốn tiệm có sự khác nhau, làm sao một lúc đồng hành? Lại môn đốn ấy y nơi môn tự tánh mặc tình quên công phu. Còn môn tiệm của hàng căn cơ kém, theo môn tùy tướng công phu đối trị nhọc nhằn. Như thế căn cơ đốn tiệm của hai môn chẳng đồng, hơn kém rõ ràng. Thế sao môn ngộ trước tu sau bên trong đều có chia hai loại? Xin nói rõ để dứt hết lòng nghi ngờ.

Phần hỏi này dài, tôi tóm lược lại cho dễ hiểu và lấy câu đáp làm căn bản. Ý hỏi rằng theo sự phân tích ở trên chia ra môn tự tánh và môn tùy tướng.

Tự tánh định tuệ là tâm thể không tịch, thường tri là dụng. Tự tánh là tâm lặn lẽ, dụng là tâm thường tri. Như vậy, tuy thường tri mà tịch, tuy lặn lẽ mà thường tri, định và tuệ rõ ràng. Biết thấu suốt như vậy để tu thì gọi là định tuệ của tự tánh, đó gọi là môn đốn.

Tùy tướng định tuệ tức là dùng tĩnh để trị hôn trầm, dùng lặng lẽ để trị tán loạn nhưng mà chưa ngộ tự tánh, nên gọi là môn tiệm. Tùy tướng mà tùy tướng tiệm.

Một phần nữa là khi đối duyên xúc cảnh mà phiền não còn dấy khởi nhiều thì dùng trí quán, quán tâm quán cảnh là không thật. Khi ngồi tu hôn trầm thì phải quán cho dứt hôn trầm. Nếu tán loạn thì phải nhìn rõ biết nó tự tánh là không cho nó lặng xuống.

Trong hai trường hợp trên nếu dùng định và tuệ quán chiếu cho quân bình để trở về tự tánh, thì đó cũng gọi là môn tùy tướng.

Như vậy chúng ta thấy định và tuệ chia chẻ khác nhau, nên nghi tại sao môn tùy tánh thuộc về đốn mà môn tùy tướng thuộc về tiệm. Hai pháp đó tu cái nào trước cái nào sau? Đó là ý nghĩa của câu hỏi.

Đáp: Chỗ tôi giải thích đã rõ ràng, ông tự sanh nghi, theo ngôn ngữ sanh hiểu biết rồi chuyển thành nghi hoặc. Nếu được ý quên lời, nhọc gì cất vấn? Nếu đem hai môn mỗi mỗi phân xét về chỗ hành, thì người tu tự tánh định tuệ là môn đốn, dùng công phu vô công phu, gồm vận dụng hai cái tịch tự tu, tự tánh tự thành

Phật đạo ấy vậy. Người tu môn tùy tướng định tuệ là trước chưa ngộ, dùng môn tiệm của hàng căn cơ kém để dụng công đối trị, tâm tâm đoạn hoặc, giữ gìn cái tĩnh làm pháp hạnh.

Luôn luôn dùng tâm đoạn hoặc để phá phiền não vọng tưởng. Cứ như vậy mà tu, tức là lấy cái tĩnh làm pháp hạnh.

Hai môn này chỗ đốn tiệm khác nhau chẳng thể làm lộn. Môn ngộ rồi tu sau ở trong ấy đã gồm nói môn tùy tướng đối trị rồi, chẳng phải toàn để cho hàng căn cơ kém hành, nắm cái phương tiện ấy tạm nói mà thôi. Bởi nơi đốn môn này cũng có hạng căn cơ thẳng và căn cơ liệt, không thể lúc nào cũng xét đoán về hành lý kia.

Rõ ràng bên đốn, ngộ rồi mới tu; bên tiệm, tu mà chưa ngộ thành ra hai cái khác nhau. Tuy nhiên trong môn tùy tướng đó cũng có phần của người đốn, nghĩa là tuy đốn ngộ mà phiền não còn lừng lẫy, thì cũng phải chịu khó quán để dẹp trừ. Cho nên không phải một bề nói tùy tướng đều thuộc về tiệm hết. Môn tùy tướng cũng có khi dùng cho người căn cơ đốn, họ đã ngộ nhưng sức còn kém hay tập khí chưa sạch thì cũng phải dùng nó.

Nếu người phiền não nhạt mỏng, thân tâm nhẹ nhàng an ổn, nơi thiện là thiện, nơi ác là ác, tám gió chẳng động, ba thọ lặng yên, y tự tánh định tuệ nhậm vận song tu. Tánh thiên chân không tạo tác động tĩnh thường thiên, thành

tự được lý tự nhiên, cần gì mượn nghĩa môn tùy tướng đối trị? Không bệnh chẳng cần thuốc.

Người phiền não ít thân tâm nhẹ nhàng an ổn, thì làm thiện mà không chấp thiện; thấy ác cũng không ghét ác. Tức là tâm đối cảnh đều an ổn như như, tám gió thổi chẳng động. Tám gió là cây thước đo của người tu thiền. Tám gió là:

1- Gió Lợi: Lợi là tiền của, quyền lợi. Thí dụ mình thấy chùa hư sửa soạn cất, có một phật tử đến thưa: “Thưa Thầy, Thầy sửa chùa, con xin cúng dường Thầy một triệu.” Nghe nói cúng một triệu mà lòng mình vẫn an nhiên không mừng, thì không bị gió lợi lay chuyển. Còn nghe nói cúng một triệu lòng mình phoi phới nhẹ tênh, từ sáng tới chiều đi đâu cũng cười thì đã bị gió lợi thổi bay rồi. Ở đây tôi nói để quý vị kinh nghiệm chỗ tu của mình, biết mình cao thấp chứ đừng nói có thần thông huyền bí là cao thấp, cao thấp là ở sự thật này. Nếu gió lợi không lay động được mình thì gọi là thắng được gió thứ nhất.

2- Gió Suy: Suy tức là khi bị hao tài tốn của mà tâm mình không động. Thí dụ khi sáng Phật tử mới cúng dường 500.000\$ để sửa chùa. Tối hôm đó ăn trộm vô lấy hết trơn, tức là mất hết tiền mà sáng ra mặt cũng vui tươi như thường, đó là gió suy không làm mình động tâm. Nếu sáng ra mặt mày dầu dàu, đi tới đâu chất lưỡi tới đó thì gió suy đã thổi bay bồng rồi.

Hai gió đó quý vị thấy dễ thắng hay khó? Tuy đồng tiền không phải là mồ hôi nước mắt của mình làm ra; của Phật tử cúng dường mà mình đã khó thắng rồi.

3- Gió Hủy: Hủy là hủy nhục. Bị người mắng nhiếc làm nhục mà không buồn là không bị gió hủy thổi.

4- Gió Dự: Dự là đề cao. Thí dụ hôm nào đó giảng pháp cho hội chúng nghe. Giảng vừa xong có người đứng dậy tán thán: “Thầy giảng hay đáo để, con nghe muốn thành Phật liền.” Nghe như thế mà tâm chúng ta vẫn an nhiên, lặng lẽ bước xuống bục giảng không khởi niệm mừng, là không bị gió dự thổi.

Dự là đề cao mình giữa thiên hạ, hủy là làm nhục mình giữa đám đông. Giữa đám đông bị mắng mà mình không buồn là tu tốt, còn buồn thì bị gió hủy thổi bay. Giữa đám đông đề cao mà mình không mừng là tu tốt, còn mừng thì cũng bị gió dự thổi bay.

5- Gió Xung: Xung là khen riêng, còn dự là đề cao giữa đám đông. Nếu có người gặp mình vỗ vai hay xá chào và nói: “Thầy tu hành như vậy thật là ít có.” Nghe nói như thế lòng mình hớn hởi lên, thì gió xung thổi mình bay nhẹ như thổi bông gòn.

6- Gió Cơ: Cơ là chê. Thí dụ có người thấy mình liền nói: “Tu hành như thầy ngàn đời không thành Phật.” Nghe như vậy mà không đổi sắc mặt là không

bị gió cơ thổi rồi. Hủy với dự là khen chê giữa đám đông. Còn xung với cơ là đối mặt mình họ khen hoặc họ chê mà mình vẫn an nhiên tự tại, đó là tu tốt, gió thổi mà núi không bay. Nếu gặp những gió như thế mà mình rung rinh là mình bị động rồi.

7- Gió Khô: Khô là gặp hoàn cảnh buồn bã khô sở. Thí dụ như buổi sáng bụng chưa có gì, ôm bát đi khát thực mà không ai cho hết, về chùa bụng đói còn cào mà không có cơm, đó là cái khô của người tu. Khô mà không rên, không than thở thì đó là tu giỏi. Còn nếu khô mà rên, lâu lâu chùi nước mắt: “Đói quá không ai cho ăn”, đó là mình chưa thắng cái khô. Ngoài ra còn hoàn cảnh khô, hoặc giấc già, hoặc đau bệnh... nhiều thứ khô không thể kể hết.

8- Gió Lạc: Lạc là vui thích. Gặp những trường hợp vui vẻ thích thú, như đi xem những buổi ca nhạc, thiên hạ vỗ tay rầm rầm hay khi gặp hoàn cảnh hết sức thuận tiện, mà trong lòng vẫn bình thản, thì đó là gió lạc không thổi mình được.

Quý vị kiểm lại xem khi bị một trong tám thứ gió đó thổi mình dễ bị động hay khó bị động, để xem trình độ tu của mình tới đâu. Khi gặp tám thứ gió mà chúng ta không bị thổi thì mình tu khá. Còn nếu bị tám gió thổi bay lửng lửng trên trời, khi gió ngừng lại thì mình rơi xuống đất nát thây. Cho nên làm sao vững như núi đá, gió không lay động là hay nhất.

Ba thọ là lạc thọ, khổ thọ, không lạc không khổ. Gặp lạc thọ cũng yên, gặp khổ thọ cũng yên và không khổ không lạc vẫn yên. Không tạo tác mà khi động khi tịnh đều là thiên hết. Nếu người như vậy thì khỏi cần tùy tướng đối trị nữa. Tám gió thổi không động là không bệnh, như vậy khỏi cần dùng thuốc. Nếu gió thổi còn động thì mình còn bệnh phải dùng phương thuốc để trị.

Người tuy trước đã đón ngộ nhưng phiền não còn đây, tập khí còn nặng, đối cảnh niệm niệm sanh tình, gặp duyên tâm tâm đối đãi, bị hôn loạn kia giết chết, mê muội nên mất cái biết lặng lẽ thường nhiên. Ngay đó nhờ môn tùy tướng định tuệ, chẳng quên đối trị, quân bình điều phục hôn loạn để nhập vào vô vi, tức phải cần vậy.

Người đón ngộ rồi nhận ra pháp thân nhưng phiền não chưa hết, cho nên đối cảnh vui buồn thương ghét, tâm dính mắc không từ chối cái nào hết. Vì bị mấy thứ đó làm tâm xao xuyến, nên quên mất *cái biết lặng lẽ thường nhiên*. Hạng người này cần phải dùng môn tùy tướng định tuệ mà đối trị. Nghĩa là không có lời thôi, gặp đâu trị đó, phải siêng năng cũng như chần con trâu đang hung hăng vậy, phải cầm roi, phải nắm dây dầm cho chặt mới được.

Tuy mượn công phu đối trị, tạm điều phục tập khí, nhưng do trước đón ngộ tâm tánh vốn tịnh, phiền não vốn không, nên không lạc về môn tiệm của hàng căn cơ kém và ô nhiễm tu tập.

Tuy mượn công phu đối trị nhưng không bị lạc về môn tiệm, đó là cái đặc biệt. Thành ra hai môn tu giống hệt nhau mà một bên đồn một bên tiệm là vì đã ngộ và chưa ngộ.

Người chưa ngộ mà tu, tuy dụng công chẳng quên, niệm niệm huân tu mà thường sanh nghi chưa được vô ngại, như có một vật ngăn trong ngực.

Người chưa ngộ tuy tu mà tâm vẫn còn sanh nghi, nên tu một thời gian rồi không biết mình tu như vậy sẽ đi tới đâu, thành cái gì, do đó trong tâm nặng nề không yên.

Cái tướng chẳng an thường hiện ở trước, lâu ngày chầy tháng ra công đối trị thuần thực, thì thân tâm khách trần in tuồng được khinh an, tuy được khinh an nhưng gốc nghi chưa dứt, giống như đá đè cỏ.

Dụng công nhiều thì dường như được khinh an, nhưng còn tu thì còn yên, lợi lợi thì cũng loạn trở lại. Tại vì thấy cảnh ngoài là thật, thấy vọng tâm là thật để đối trị, thành ra làm sao mà hết vọng tưởng. Nhưng gốc nghi chưa hết như đá đè cỏ ý nói người chưa ngộ mà tu không thấy ngoại cảnh như hoa đốm giữa hư không, tâm vọng là không thật cho nên khi dụng công tu đè vọng tưởng. Tuy nhiên lúc buông ra nó cũng sống dậy như thường. Nếu thấy cảnh ngoài duyên hợp huyễn hóa, bên trong vọng tâm tự tánh không thật. Biết như vậy khi tu, chúng ta nhìn là nó lặng, vì ngoài không thật, trong cũng không thật thì còn chỗ nào mà khởi. Lúc đó trở về với tự tánh thanh tịnh của chính mình. Khi trở về chân tâm thường tịch và an trụ ở đó thì còn gì nữa mà tái sanh.

Tôi xin nhắc lại người không biết có chân tâm thường tịch, không biết ngoại cảnh là hư giả, không biết vọng tâm là không thật, thành ra họ cố gắng đè, đè một hồi buông ra thấy cảnh thật cũng duyên theo, tập khí sống lại như cũ, giống như đá đè cỏ là vậy. Vì không hiểu ngoại cảnh hư giả, vọng tâm tánh vốn là không, nên không biết chỗ chân thật để mà an trú. Đè nó xuống một lúc, buông ra nó cũng nổi dậy như thường, không hơn không kém gì hết. Dụng công nhiều thấy hơi an ổn gọi là khinh an, nhưng khi buông ra rồi cũng vọng động như cũ.

Còn ở nơi ranh giới của sanh tử, chẳng được tự tại.

Người tu như trên không nhận ra chỗ vô sanh mà thể nhập. Bởi không thể nhập chỗ vô sanh cho nên còn ở trong sanh tử.

Hai lối tu đồn và tiệm mới nghe qua dường như giống nhau, nhưng lại khác vì một bên chưa ngộ nên dụng công nhiều mà vẫn còn ở trong sanh tử, một bên nhận ra cái chân thật nên dụng công nhẹ nhàng mà kết quả tự tại ra khỏi sanh tử.

Cho nên nói: “Chưa ngộ mà tu chẳng phải chân tu.” Người ngộ tuy có dùng phương tiện đối trị, nhưng niệm niệm không nghi chẳng rơi vào ô nhiễm. Lâu ngày chầy tháng tự nhiên khế hội. Diệu tánh thiên chân mặc tình lặng biết, niệm niệm phan duyên tất cả cảnh, nhưng tâm tâm vĩnh viễn đoạn các phiền não, chẳng lìa tự tánh định tuệ đồng tu, thành tựu vô thượng Bồ-đề. Sánh với cơ trước có phần hơn, nhưng lại không sai khác. Vậy thì môn tùy tướng định tuệ, tuy là chỗ hành của hàng tiệm cơ, nhưng đối với người đốn ngộ có thể bảo là chỉ sắt thành vàng.

Chưa ngộ mà tu thì chẳng phải chân tu, tức là tu còn lệch lạc. Người ngộ rồi mà tu thì không còn nghi ngờ gì nữa nên tâm không kẹt dính vào chỗ nào cả. Tu như thế lâu ngày khế hội, tâm lặng lẽ mà biết nên tuy đối cảnh mà tâm hằng đoạn phiền não thành tựu Bồ-đề. Môn tùy tướng định tuệ là chỗ hành của người tu tiệm, đối với người đốn ngộ cũng mượn pháp đó mà tu, được diệu dụng vô lượng nên nói là chỉ sắt thành vàng.

Nếu biết như thế thì đâu do hai môn định tuệ, mà có cái nghi thứ lớp trước sau ư? Mong các vị tu hành nên nghiên cứu ý vị của lời nói này, chớ hồ nghi mà tự sanh lui sụt. Nếu người đủ chí trọng phụ, cầu vô thượng Bồ-đề, bỏ đây thì làm sao?

Người cầu Vô thượng Bồ-đề không nên bỏ hai phương tiện tự tánh và tùy tướng mà tu, nếu bỏ thì làm sao tu được.

Cần yếu là chớ chấp vào văn tự, phải hiểu thẳng và mỗi mỗi quy về tự kỷ. Khế hợp với Thiên tông thì vô sư trí, tự nhiên trí hiện tiền.

Người tu không nên chấp vào văn tự mà phải nhận hiểu để quay về chính mình, đó là khế hợp với Thiên tông thì trí vô sư và trí tự nhiên hiện tiền.

Lý thiên chân rõ ràng chẳng mê, thành tựu được tuệ thân chẳng do nơi khác mà ngộ.

Như vậy ngộ là ngộ nơi mình chứ không ở đâu xa hết. Đó là chỗ chỉ cho chúng ta thấy rõ tiệm tu và đốn tu.

Đây là kết luận của phần nói về hai môn tu.

Lại điều chỉ này tuy là việc chung cho mọi người, nhưng nếu không phải là người có căn khí đại thừa và đã gieo trồng giống Bát-nhã từ trước, thì không thể nào một niệm sanh chánh tín được. Đâu những chẳng tin lại đi phỉ báng để chiêu quả vô gián, là thường thấy vậy.

Người nghe được pháp môn này, nếu không phải là người có chủng tử đại thừa thì không thể tin được. Chẳng những họ không tin mà lại còn phỉ báng: “Mấy vị đó tu mà không được quả vị gì hết, tu bao nhiêu năm nói gì cũng không.” Phỉ báng như vậy thì người đó sẽ chịu quả báo xấu.

Tuy chẳng tin nhận, nhưng một lần nghe qua tai, cũng tạm thời kết duyên, công đức của người ấy cũng không thể lường được.

Đây là nói trường hợp người nghe tuy không hiểu không tin, nhưng một lần nghe được thì cũng có phước, cũng kết duyên giác ngộ chứ không phải là không có gì hết.

Đáp: Như trong Duy Tâm Quyết nói: “Nghe mà không tin còn kết được nhân Phật chủng. Học mà chẳng thành còn hơn phước báo cõi người, cõi trời. Chẳng mất chánh nhân thành Phật. Huống lại nghe liền tin, học liền thành công, giữ gìn chẳng mất, thì công đức kia đâu hay đo lường được?”

Nghe tuy không tin cũng đã có phước rồi, đã kết duyên với Phật rồi, học chưa thành là đã hơn phước báo cõi trời cõi người, huống nữa là nghe liền tin, tin rồi thực hành, thì không có gì đo lường nổi.

Truy niệm về nghiệp quá khứ luân hồi chẳng biết bao nhiêu kiếp, theo dòng hắc ám vào địa ngục vô gián, chịu muôn ngàn thống khổ chẳng biết bao nhiêu phen. Muốn cầu Phật đạo chẳng gặp thiện hữu nên trường kiếp trầm luân, mờ mịt chẳng biết, tạo tác nghiệp ác. Cũng có lúc hoặc một phen nghĩ, bất chợt thở dài. Lại cam thông thả để rồi trở lại thọ những tai ương như trước sao?

Đó là lời truy niệm của ngài mà ngài cũng truy niệm cho chúng ta. Hãy nhớ lui lại xem hồi đó đến giờ chúng ta luân hồi bao nhiêu kiếp. Có khi vào địa ngục vô gián chịu khổ biết dường nào. Muốn tu chẳng gặp thầy dạy cho tu, nên mờ mịt tạo nghiệp ác rồi nhiều kiếp chịu trầm luân. Có lúc chúng ta cũng tự hỏi tại sao mình có mặt ở cõi đời này rồi chịu khổ.

Nếu chúng ta là kẻ thông minh sáng suốt, duyên nghiệp nhẹ nhàng thì lúc Phật ra đời chúng ta đã gặp Phật, tu thành A-la-hán hoặc Bồ-tát rồi. Chứ có đâu Phật ra đời đã hai ngàn năm trăm mấy chục năm, mà chúng ta còn lang thang ở đây, thì biết rằng duyên nghiệp chúng ta cũng nặng nề nên mới trôi lăn không biết bao nhiêu kiếp. Đến bây giờ mới được nghe chút Phật pháp thì hết sức muộn màng. Vậy đã nghe được chẳng lẽ cứ thông thả để chịu luân hồi nữa hay sao?

Đó là lời ngài khuyên, nhắc chúng ta nhớ lại quá khứ thì phải thức tỉnh ngay hiện tại, nỗ lực tu hành chứ đừng có chậm trễ, ngày qua tháng lại hẹn năm này năm kia, tai ương tới ai mà cứu mình đây?

Chẳng biết ai khiến ta nay được làm người, trong vạn vật hư dối này, chẳng mê mờ đường tu chân. Thật có thể gọi là rùa mù mà gặp bông cây, hạt cải ném vào lỗ kim. Đây là một điều vinh hạnh có gì hơn?

Đây là điều may mắn cho chúng ta, không biết duyên gì mà bây giờ chúng ta được làm người. Sống trong vạn vật hư dối này, lẽ ra chúng ta cũng mê lầm như bao nhiêu người khác, mà do duyên phúc gì khiến cho mình biết tu, thật là cái vinh hạnh phi thường. Sự may mắn này ví như rùa mù ở giữa biển gặp được bông cây trôi trên mặt biển, như hạt cải rơi trúng lỗ kim, thật là chuyện hy hữu không thể tưởng tượng được.

Ở trên ngài dạy chúng ta truy niệm về quá khứ để tự nhắc nhở, đến đoạn này ngài chỉ cái vinh hạnh hiện tại để chúng ta biết rồi nỗ lực tu hành.

Nay ta nếu tự sanh lui sụt, hoặc sanh lười biếng mà thường trông lại phía sau, bỗng chốc mất thân mạng, thoái đạo vào đường ác, chịu các khổ não. Khi ấy tuy mong nghe được một câu Phật pháp để tin hiểu thọ trì, mong khỏi cảnh chưa cay ấy còn trông gì được? Đến lúc lâm nguy hối hận không ích gì.

Được vinh hạnh làm người, nhất là ở giữa bao nhiêu người đang say mê theo vật chất, đang mắc kẹt trong danh lợi mà mình biết đường tu chân thì thật là một vinh hạnh vô cùng vô tận. Lại được nghe Phật pháp tối thượng thừa, nếu không nỗ lực tu hành cứ chần chờ lười biếng, rồi một ngày nào đó chết rơi vào địa ngục, lúc đó muốn nghe Phật pháp làm sao nghe, muốn khỏi cảnh khổ làm sao khỏi, chừng đó hối hận làm sao kịp. Cho nên chúng ta không được chần chờ mà phải cố gắng. Nghe Phật pháp hiểu phải nỗ lực tu hành, đừng hẹn nay hẹn mai, năm tháng bảy tháng, một năm hai năm, vô thường đến thì tu làm sao cho kịp.

Mong các vị tu hành chớ sanh phóng dật, chớ mắc tham dâm. Như cừu lửa cháy đầu chẳng quên soi xét. Vô thường chóng vánh, thân như giọt sương mai, mạng như bóng trời chiều. Ngày nay còn đây, ngày mai khó bảo toàn. Cần phải lưu ý!

Người tu hành phải luôn luôn thấy cái chết đang dòn tới, gấp rút như lửa cháy trên đầu. Thân này như giọt sương mai, sáng sớm thấy còn ướt, nắng lên nó tan mất. Mạng sống như mặt trời xế chiều, mới thấy đó một lát nhìn lại nó lặn mất, không có gì tồn tại lâu dài. Đây là những lời thiết tha nhắc nhở của ngài, chúng ta cần phải lưu ý.

Vả lại, bằng vào cái thiện hữu vi ở thế gian. Cũng có thể khỏi ba đường khổ luân hồi, nơi cõi trời, cõi người được quả báo thù thắng, thọ các khoái lạc. Huống lại, đây là pháp môn tối thượng thừa rất thâm sâu. Chỉ tạm thời có niềm tin cũng thành tựu được công đức không thể lấy tỷ dụ mà nói được một phần nhỏ. Trong Kinh nói: “Nếu có người lấy bảy báu bằng ba ngàn đại thiên thế giới, bố thí cúng dường cho bao nhiêu chúng sanh trong thế giới ấy đều được đầy đủ. Lại giáo hóa cho họ được tứ quả. Công đức kia vô lượng vô biên, cũng không bằng công đức chỉ khoảng một bữa ăn chánh tư duy pháp này.”

Ngài nói công đức của người bố thí, cúng dường được quả báo thù thắng sanh cõi trời cõi người, phước đức đó so với phước đức của người nghe hiểu kinh Đại thừa mà chánh tư duy, rồi tu hành thì không thể nào so sánh được hết.

Thế nên pháp môn này của ta tối tôn tối quý, đối với các công đức so sánh không đến được. Cho nên Kinh nói: “Một niệm tịnh tâm là đạo tràng, còn thù thắng hơn tạo tháp bảy báu như hằng sa. Tháp báu rồi sẽ nát thành bụi, một niệm tịnh tâm thành tựu được quả Phật.”

Một niệm tịnh tâm thì thành quả Phật, còn những hình thức bên ngoài dù cho làm bao nhiêu đi nữa một ngày kia nó sẽ thành cát bụi. Tâm thanh tịnh là công đức vô vi nên bất diệt. Đó là ngài nhắc nhở cho chúng ta biết thiện duyên được nghe kinh điển Đại thừa, nhận được pháp môn tu tối thượng thừa rồi thì không thể chần chờ, phải nỗ lực, phải cố gắng tu cho được giải thoát viên mãn.

Mong mỗi các vị tu hành nghiên cứu ý vị của lời này, cần phải lưu ý! Thân này chẳng nhằm đời này độ, lại đời nào độ thân này? Nay nếu chẳng tu, ngàn kiếp sai lầm.

Đã có thân này thì ngay đời này độ cho xong, nghĩa là phải tu cho rốt ráo chứ đừng nghĩ đời này tu một ít, đời sau tu một ít. Vì đời này không chịu tu thì ngàn đời cam chịu sanh tử luân hồi, chắc gì sau này được gặp thiện hữu tri thức để đủ duyên đủ phước mà tu? Cho nên bây giờ gặp duyên gặp phước, phải nỗ lực tu, đừng có chần chờ!

Nay nếu gắng tu cái hạnh khó tu. Lăn lăn được công hạnh chẳng khó, rồi sẽ tự tiến.

Bây giờ tuy khó vì nó hình không tướng cho nên khó tu, nhưng một thời gian sau công hạnh thuần thục thì hết khó, lúc đó chúng ta sẽ thấy mình tu có tiến.

Than ôi! Người thời nay đói gặp cơm vua mà chẳng biết ăn. Bệnh gặp y vương cho thuốc mà chẳng biết uống. Không biết phải nói như thế nào! Tôi cũng đành cam chịu vậy!

Ngài than người thời nay đói được một bữa ăn thịnh soạn như cơm vua mà không dám ngồi ăn, thật là dại dột. Khi bệnh gặp thầy thuốc giỏi cho thuốc mà không chịu uống, đó là ngu ngốc quá chừng, không biết làm sao mà nói. Cho nên nhận được pháp tối thượng thừa này mà không chịu tu, thì chẳng khác nào như kẻ đói gặp cơm vua không dám ăn, người bệnh gặp vua thầy thuốc cho thuốc mà không dám uống. Những người như vậy thì bó tay đầu hàng không biết nói làm sao.

Tu là tu cho chính mình chứ không phải tu cho Tổ, mà Tổ đáng miệng nhắc nhở, gặp của quý như vậy mà cứ chần chờ, chết đến thì làm sao? Chết rồi

đời sau chắc gì gặp lại. Bây giờ không lo giải quyết cho xong, cứ chần chờ hoài thật là chuyện đáng buồn.

Vả lại, việc hữu vi ở thế gian hình dáng nó còn có thể thấy, công dụng nó còn có thể xét nghiệm. Khi thành công một việc người ta còn tán thán cho là ít có. Còn tâm tông của ta đây không hình có thể nhìn, không trạng có thể thấy, đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành tuyệt. Cho nên thiên ma ngoại đạo hằng hủy báng của Không, Thích Phạm chư thiên không ngớt ngợi khen.

Ở thế gian nghiên cứu phát minh được cái gì, sẽ được khen ngợi: “Điều đó hay quá, ít có quá!” Nhưng người đạt được tâm tông thì bị thiên ma ngoại đạo ghét và hủy báng vì cao hơn nó. Tuy nhiên, Đế-thích, Phạm thiên các ngài luôn luôn tán thán.

Hướng nữa, kẻ phàm phu dùng kiến thức cạn cợt, đối với tâm tông còn mờ mịt, làm sao biết được? Thương thay! Con ếch trong giếng sao biết được bao la của biển cả.

Kẻ phàm phu nghe đến tâm tông này, họ mờ mịt không biết gì hết, chẳng khác nào con ếch trong giếng, nó chỉ loanh quanh trong giếng làm sao có thể biết biển cả mênh mông.

Con đã can làm sao rộng được tiếng sư tử? Nên biết, trong đời mạt pháp mà có người nghe pháp môn này cho rằng rất hy hữu và tin hiểu thọ trì, người ấy đã ở trong vô lượng kiếp thừa sự chư thánh và gieo trồng căn lành, kết sâu được cái chánh nhân Bát-nhã, có căn tánh tối thượng. Kinh Kim Cang nói: “Người đối với chương cú này hay sanh tín tâm, nên biết người ấy đã ở chỗ vô lượng đức Phật trồng các căn lành.” Lại nói: “Vì những hàng phát tâm Đại thừa mà nói, vì những hàng phát tâm Tối thượng thừa mà nói.” Mong các vị cầu đạo chớ sanh tâm hèn yếu, cần phải phát tâm đồng mãnh. Nhân lành đời trước nay đâu biết được? Nếu chẳng tin mình có khả năng thù thắng thì cam làm hạ liệt, rồi sanh ý tưởng cho là khó khăn.

Ngài dạy đối với pháp môn này chúng ta tin hiểu thọ trì tu hành thì công đức vô lượng vô biên. Chúng ta không nên bỏ qua, đừng có hèn yếu khiếp nhược nói rằng: “Chà! khó quá làm không nổi.” Phải biết chúng ta đã gieo nhân lành sâu cho nên bây giờ mới gặp được Phật pháp, rán nuôi dưỡng để tiến thêm chứ không lẽ gặp rồi bỏ mất. Cứ mang mặc cảm căn cơ mình thấp kém làm sao tu nổi pháp tối thượng thừa, nghĩ như vậy nên sanh ý hạ liệt muốn thoái lui, rồi cho sự tu là khó khăn.

Nay chẳng chịu tu, dù có thiện căn đời trước, hiện nay đoạn tuyệt. Càng ở trong cái khó kia lần lượt thành xa vậy.

Đời trước mình có căn lành bây giờ mới gặp Phật pháp. Gặp Phật pháp mà không chịu tu thì căn lành sẽ mất. Như lúc trước chúng ta cho ai mượn một số tiền, người đó là người nợ của mình. Bây giờ gặp lại họ nói: “Để tôi trả tiền cho ông.” Nghe nói trả tiền mà mình không nhân đó đòi nợ, để họ đi mất thì chịu thôi. Cũng vậy đời trước có chủng duyên lành bây giờ mới gặp được Phật pháp, nhất là pháp tối thượng thừa này thì phải ráng nắm chắc để tiến tu. Nếu không chịu cố gắng tu thì căn lành đời trước có bao nhiêu ngang đây bị đứt mất. Vì trong cái khó càng ngày càng khó, càng ngày càng xa chứ không gần gũi được.

Nay đã đến núi châu báu chẳng lẽ trở về tay không. Một phen mất thân người muôn kiếp khó tìm lại, mong phải cẩn thận đó!

Thấy được đạo lý chân chánh rất là vui chẳng khác nào như người đi tìm châu báu. Đã gặp núi châu báu phải đục đẽo lấy đem về ít nhất cũng một hai ký, giỏi nữa thì vác cả bao, chứ không lẽ về tay không. Hơn nữa một phen mất thân này rồi khó tìm lại được, phải cẩn thận.

Há lại có người biết núi châu báu kia mà chẳng cần nó, rồi lại hằng oán trách mình nghèo khó ư? Nếu muốn được châu báu thì đừng tiếc thân này.

Gặp núi châu báu mà không chịu lấy rồi cứ than thở: “Tôi nghèo quá, tôi khổ quá” thì thật là dốt nát. Nhưng muốn được châu báu thì đừng tiếc thân này, mà phải nỗ lực tu hành cho đến nơi đến chốn thì mới thành công.

Đó là phần ngài khuyến khích cho chúng ta tu.

Thông thường người không biết đạo lý, nghe đạo lý họ cảm thấy như nghe cái gì đâu xa xôi khó hiểu. Đó là chủng duyên của họ kém yếu, cho nên đối với đạo pháp họ khó nhận hiểu. Còn người có chút duyên trong đạo pháp thì nghe rồi thấy vui thấy thích, duyên ấy tại đâu mà có? Do đời trước mình đã trồng bây giờ mới gặp. Trồng nhiều thì gặp sớm, trồng ít thì gặp muộn, cũng có trồng chứ không phải không có. Cho nên khi gặp Phật pháp là biết mình đã có duyên. Có duyên gặp rồi mà bỏ cơ hội tốt, cũng như người làm việc gặp cơ hội tốt mà không chịu nắm bắt làm ăn, để mất cơ hội tất nhiên phải chịu nghèo.

Chúng ta tu gặp cơ hội tốt thì phải nắm bắt để tiến chứ đừng bỏ qua. Cơ hội tốt qua mất rồi không phải dễ kiếm lại được. Thế gian mất tiền mất của còn có thể gia công làm để có lại, còn thân này mất rồi muốn gia công tìm lại thật là khó. Cho nên có được thân này, có chút ít trí tuệ hiểu biết, có chút duyên lành ở trong Phật pháp, chúng ta cần nỗ lực tu hành để chủng duyên đó càng ngày càng lớn, càng sâu, càng tăng tiến.